

Tp.HCM, ngày 06 tháng 06 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08 3820.7795
Fax: 08 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 08 3820.7795 (109)
Fax: 08 3820.7794
Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Thông báo về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/05/2017 tại đường dẫn <http://shp.vn/tin-tuc/tai-lieu-hop-dhcd-thuong-nien-2017.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Thông báo mời họp ĐHĐCD
Tài liệu họp ĐHĐCD.

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thành Tú Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Thời gian : 8h 00, thứ năm, ngày 22 tháng 06 năm 2017

Địa điểm : Hội trường (Lầu 5) Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam
72 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

STT	Thời gian	Nội dung
1	7h30-8h00	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông tham dự đại hội
2	8h00 – 8h10	▪ Trưởng Ban kiểm soát báo cáo điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ ▪ Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu ▪ Giới thiệu chủ tọa đoàn chủ trì đại hội ▪ Thông qua quy chế tổ chức Đại hội.
3	8h10-8h15	▪ Chủ tọa cử Thư ký Đại hội ▪ Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu – Ban bầu cử ▪ Chủ tọa đoàn thông qua chương trình Đại hội
4	8h15-9h30	▪ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 ▪ Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2016 và nhiệm kỳ 2012-2017 ▪ Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ▪ Báo cáo Tài Chính được kiểm toán năm 2016 ▪ Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2016 và kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2017 ▪ Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 ▪ Tờ trình về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
5	9h30-10h15	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2017-2022)
6	10h15-10h40	Đại hội thảo luận
7	10h40-11h00	Biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình tại Đại hội
8	11h00 -11h15	Đại hội nghỉ giải lao
9	11h30	Công bố kết quả biểu quyết và bầu cử
10	11h30-11h50	Thông qua Biên bản và Nghị quyết
11	11h50-11h50	Bế mạc đại hội

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi : Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) xin trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức:

- Thời gian: 08h00, thứ Năm, ngày 22/06/2017
- Địa điểm: Hội trường Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - 72 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

2. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2016 và nhiệm kỳ 2012-2017.
- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Báo cáo Tài Chính đã được kiểm toán năm 2016.
- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2016 và kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2017.
- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Tờ trình về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
- Bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV(2017-2022).
- Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành phần và điều kiện tham dự đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của SHP theo danh sách chốt ngày 22/05/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Trong trường hợp không thể tham dự họp, Quý cổ đông có thể ủy quyền (theo mẫu) cho người đại diện của mình hoặc cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
- CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
MIỀN NAM
- M.S.D.N: 0306660000-1
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH
- HỒ QUANG AI



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

....., ngàytháng.....năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

1.THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (người ủy quyền)

Tên cổ đông:
CMND/ĐKKD:..... cấp ngày: nơi cấp:.....
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (theo danh sách chốt quyền ngày 22/05/2017).

NAY ỦY QUYỀN CHO

2.THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Họ và tên:
CMND/ĐKKD:.....cấp ngày:.....nơi cấp:.....
Địa chỉ:
Số điện thoại :.....
Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên trong ban điều hành của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (vui lòng đánh dấu “X” để chọn):

☐ **Chủ tịch Hội đồng quản trị – Ông Hồ Quang Ái**

☐ **Tổng Giám Đốc – Ông Nguyễn Văn Thịnh**

Được quyền thay thế tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam phát biểu và biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với.....cổ phần do tôi sở hữu.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam kết thúc.

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, Đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

....., ngàytháng.....năm 2017

THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Tên cổ đông:
CMND/ĐKKD:.....cấp ngày: nơi cấp:.....
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Tổng số cổ phần đại diện:.....cổ phần (sở hữu đến ngày 22/05/2017).
Trong đó:
Số cổ phần cá nhân sở hữu:.....cổ phần.
Số cổ phần được ủy quyền:.....cổ phần.
Nay xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam vào ngày 22/06/2017.

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

✂-----

GHI CHÚ:

- Khi gửi phiếu đăng ký về Công ty xin gửi kèm bản chính giấy ủy quyền (nếu có – áp dụng cho trường hợp người đăng ký là người được ủy quyền)
- Phiếu đăng ký và giấy ủy quyền (nếu có) xin gửi về Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam **trước 16h ngày 20/06/2017** theo địa chỉ

✂-----

Phòng Tài Chính Kế Toán

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 08.3820 7795-111, Fax: 08.3820 7794

Số: **21**.../TB – CPTĐMN - HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25. tháng 5... năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ IV (2017-2022)

Kính gửi : Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) xin trân trọng thông báo về việc ứng cử, đề cử làm thành viên Ban kiểm soát , thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2017-2022).

1. Số lượng, nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- a. Số lượng thành viên HĐQT: Do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là mười một (11) người.
- b. Số lượng thành viên BKS: Do ĐHĐCĐ quyết định ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là năm (05) người.
- c. Nhiệm kỳ: 5 năm (2017-2022)

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử/ ứng cử viên vào HĐQT:

- a. **Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị:** Thành viên HĐQT phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo Quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.

- b. **Điều kiện đề cử/ứng cử thành viên HĐQT: (Khoản 3 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty)**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng* trở lên có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử/ứng cử các ứng viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử/ứng cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử/ứng

cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử/ứng cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử/ứng cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử/ứng cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

(*) Thời hạn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng tính tới ngày 22/05/2017 (ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017).

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử/ ứng cử viên vào BKS

a. **Tiêu chuẩn làm thành viên BKS:** Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo Quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp

b. **Điều kiện đề cử/ứng cử thành viên BKS:** (Khoản 3 Điều 13, Khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty)

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng* trở lên có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử/ứng cử các ứng viên Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử/ứng cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử/ứng cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử/ứng cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử/ứng cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử/ứng cử tối đa năm (05) ứng viên

(*) Thời hạn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng tính tới ngày 22/05/2017 (ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017).

4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS:

Các cổ đông đủ tiêu chuẩn đề cử/ ứng cử để tham gia bầu vào HĐQT và BKS SHP gửi hồ sơ đề cử/ ứng cử bao gồm:

- ✓ Đơn đề cử/ ứng cử tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (theo mẫu)
- ✓ Biên bản họp nhóm đề cử/ ứng cử viên (theo mẫu)
- ✓ Bản chính kê khai lý lịch (theo mẫu)
- ✓ Bản sao giấy tờ tùy thân.
- ✓ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn
- ✓ Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông:
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Bản sao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Giấy xác nhận sở hữu số cổ phần của Công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký.

Quý cổ đông lưu ý: Người ứng cử, được đề cử vào chức danh thành viên HĐQT, BKS phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ của SHP về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

5. Lựa chọn các ứng cử viên:

Căn cứ Đơn đề cử/ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị SHP sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV(2017-2022) và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

6. Thời hạn và địa chỉ gửi hồ sơ:

Hồ sơ ứng cử/ đề cử vào HĐQT, BKS phải được gửi bản gốc và SHP nhận được chậm nhất trước 16h30 ngày 12/06/2017 theo địa chỉ :

Phòng Tài Chính kế toán – Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: 08.38207795(Ext:111), Fax: 08.38207794

Nếu quá thời gian nêu trên mà số lượng các ứng viên HĐQT/BKS đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT/BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên để trình ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Để biết thêm chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.shp.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



HỒ QUANG ÁI

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)/ BAN KIỂM SOÁT(BKS)
NHIỆM KỲ IV (2017-2022)

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017**
 Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Tôi tên là:

Số CMND/Hộ chiếu: cấp ngày: tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:..... cổ phần)
trong thời gian liên tục 6 tháng liên tiếp trở lên, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết
của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thỏa mãn các tiêu chuẩn ứng cử tại ***Thông báo về việc ứng cử, đề cử bầu thành viên HĐQT/ BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam***, tôi đề nghị được tham gia ứng cử bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022). Đánh dấu “X” vào ô chọn sau:

☐

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

☐

BAN KIỂM SOÁT

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung đơn này và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/ thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ... tháng ... năm 2017

Ứng cử viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú).
2. Bản sao giấy tờ tùy thân;
3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn;
4. Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông.

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ 2017-2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:Quốc tịch.....
4. Nơi sinh:
5. Số CMND:ngày cấp:nơi cấp:.....
6. Dân tộc:
7. Địa chỉ thường trú:
8. Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động:.....
9. Địa chỉ email:
10. Trình độ chuyên môn:
11. Quá trình công tác:
+ Từ ... đến ... :
- + Từ ... đến ... :
- + Từ ... đến nay:
12. Các chức vụ công tác hiện nay:
13. Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm), trong đó:cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
+ Đại diện phần vốn của
.....cổ phần, chiếm% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
14. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam:
15.1 Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức:
nắm giữ:CP, chiếm% vốn điều lệ
15.2 Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức:
nắm giữ:CP, chiếm% vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan công tác/địa phương nơi
cư trú**

....., ngày tháng năm 2017

Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC

GIẤY ỦY QUYỀN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)/ BAN KIỂM SOÁT (BKS)
NHIỆM KỲ IV (2017-2022)**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Tên tổ chức ủy quyền:.....
Địa chỉ:
Số đăng ký kinh doanh:.....
Điện thoại:..... Fax Email:.....
Số tài khoản:
Sở hữu cổ phần:(Tên tổ chức
ủy quyền)

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông /Bà:Sinh ngàytháng.....năm.....
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Điện thoại:..... Fax Email:.....

Đại diện cho tất cả số cổ phần mà.....(tên tổ chức ủy quyền)
đang sở hữu để tham gia ứng cử thành viên HĐQT/BKS tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên
2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam**. Đánh dấu “X” vào ô chọn:

☐

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

☐

BAN KIỂM SOÁT

Ông/Bàcó nghĩa vụ thực hiện Quy chế tổ chức Đại hội, Quy
chế biểu quyết và bầu cử tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017** của Công ty cổ phần Thủy
điện Miền Nam, không ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này không bao gồm việc ủy quyền cho Ông/Bà.....thay
mặt.....(tên tổ
chức ủy quyền) tham dự và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017** của Công ty cổ
phần Thủy điện Miền Nam, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý
như nhau.

....., ngày ... tháng ... năm 2017

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức ủy quyền
(Ký và đóng dấu cơ quan)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỔ ĐÔNG LÀ CÁ NHÂN

GIẤY ỦY QUYỀN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)/ BAN KIỂM SOÁT (BKS)
NHIỆM KỲ IV (2017-2022)**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Tôi tên là:Sinh ngàytháng.....năm.....
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Điện thoại:..... Fax.....Email:.....
Sở hữu số cổ phần SHP: (Bằng chữ:)

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông /Bà:Sinh ngàytháng.....năm.....
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Điện thoại:..... Fax.....Email:.....

Đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu để tham gia ứng cử thành viên HĐQT/BKS tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam. Đánh
dấu “X” vào ô chọn:

☐

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

☐

BAN KIỂM SOÁT

Ông/Bàcó nghĩa vụ thực hiện Quy chế tổ chức Đại hội, Quy
chế biểu quyết và bầu cử tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017** của Công ty cổ phần Thủy
điện Miền Nam, không quỹ quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này không bao gồm việc ủy quyền cho Ông/Bà.....thay
mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017** của Công ty cổ
phần Thủy điện Miền Nam, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý
như nhau.

....., ngày ... tháng ... năm 2017

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

CHƯƠNG II : NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có thành viên tham



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

5.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 22/05/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

5.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
- Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban đón tiếp cổ đông;
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

5.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại quy chế này;
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội;
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ phải mang theo giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu) và thư mời tham dự nộp cho Ban đón tiếp cổ đông;



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- Cổ đông đến tham dự đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban đón tiếp cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại;
- Nghiêm túc chấp hành nội quy Đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời sẽ tham gia phát biểu tại Đại hội (khi được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Chủ tọa Đại hội:

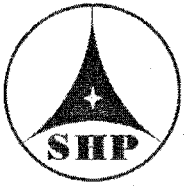
- Chủ tịch HĐQT là người chủ trì, chủ tọa ĐHĐCĐ.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:
 - Điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa đoàn;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Chủ tọa cử người làm thư ký Đại hội lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - Hướng dẫn các đại biểu thảo luận;
 - Trình bày các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 8. Thư ký Đại hội:

- Thư ký Đại hội do Chủ tọa đề cử
- Nhiệm vụ và quyền hạn của thư ký:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;
 - Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 9: Ban đón tiếp cổ đông dự Đại hội

- Ban đón tiếp cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định.
- Nhiệm vụ của Ban đón tiếp cổ đông:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- Tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình;
- Kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội;
- Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban đón tiếp cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

- Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ được lập bằng tiếng Việt và phải được lập xong trước khi bế mạc cuộc họp;
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lưu giữ tại Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Điều 11. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của pháp luật.
- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Quang Ái



QUY CHẾ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) ban hành Quy chế Biểu quyết và bầu cử thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2017-2022) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Điều 1: Mục đích ban hành:

Quy chế này được lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết và bầu cử các nội dung trong Chương trình nghị sự tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty.

Điều 2: Phạm vi áp dụng:

Quy chế này được áp dụng trong việc biểu quyết các nội dung trong Chương trình nghị sự và bầu cử thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Điều 3: Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- SHP: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Biểu quyết: là việc Cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được ĐHĐCĐ thông qua.
- Bầu cử: là việc Cổ đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số Ứng cử viên vào BKS- HĐQT.



- Chương trình nghị sự: là các nội dung trong Chương trình họp ĐHĐCĐ đã được HĐQT đề xuất để Cổ đông thực hiện biểu quyết.

Điều 4: Các quy định chung về biểu quyết và bầu cử:

1. Đối tượng có quyền biểu quyết và bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có thể thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử như sau:

- 1.1 Biểu quyết: thực hiện quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
- 1.2 Bầu cử: thực hiện tại ĐHĐCĐ.

2 Ban kiểm phiếu:

2.1 Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban kiểm phiếu. Ban tổ chức ĐHĐCĐ sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHĐCĐ một Ban kiểm phiếu để chịu trách nhiệm cho công tác kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu này sẽ được các Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bầu tại ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết công khai.

2.2 Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba (03) thành viên. Thành phần và trách nhiệm Ban kiểm phiếu bao gồm:

- a) **Trưởng ban kiểm phiếu:** chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ.
- b) **Thành viên phụ trách về số liệu, thống kê:** chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính chính xác của số liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở công tác nhập liệu, tính toán, thống kê số liệu về liên quan đến việc tiến hành ĐHĐCĐ và số liệu kiểm phiếu.
- c) **Thành viên giám sát kiểm phiếu:** chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện của Ban kiểm phiếu. ĐHĐCĐ có thể chỉ định nhân sự khác để thay thế hoặc bổ sung thành viên này để thực hiện công tác giám sát.

2.3 ĐHĐCĐ có thể lựa chọn trong số các đại biểu là cổ đông để thực hiện giám sát việc kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu.

3 Các công cụ để thực hiện biểu quyết.

3.1 Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

- a) Các Cổ đông/Người được ủy quyền bỏ phiếu sẽ thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử thông qua các Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử theo mẫu do SHP ban hành có các nội dung chính được quy định tại Quy chế này.
- b) Cổ đông nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thông qua một trong các hình thức sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- **Trường hợp Cổ đông tham dự trực tiếp/Người được ủy quyền tại Đại hội:** Được in trực tiếp và phát cho Cổ đông/ Người được ủy quyền tại Đại hội sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền hoàn thành khâu đăng ký, kiểm tra tư cách hợp lệ.
- **Trường hợp Cổ đông tham dự thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa:** Thực hiện theo Quy chế này.

3.2 Thùng phiếu:

Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử khi được các Cổ đông/Người được ủy quyền bỏ phiếu thì sẽ được tập hợp bỏ vào các thùng phiếu. Thùng phiếu do Ban kiểm phiếu quản lý.

3.3 Hình thức biểu quyết từ xa:

Trường hợp Cổ đông không thể tham dự Đại hội trực tiếp cũng không ủy quyền cho người đại diện tham dự có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa.

- a) Mỗi Cổ đông sẽ được cung cấp một mã vạch và được thể hiện trên Phiếu biểu quyết đính kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Mã này sẽ được mã hóa để đảm bảo sự duy nhất của Cổ đông đó.
- b) Việc gửi thư được thực hiện như sau: Phiếu biểu quyết và Thư mời họp (bản chính) được bỏ trong phong bì dán kín có niêm phong (ngoài bì thư ghi : Phiếu biểu quyết). **Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đã biểu quyết về SHP trước 16h ngày 20/06/2017** theo địa chỉ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

P106, lầu 1 tòa nhà Citilight- 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1. TP.HCM

Điện thoại: 08.38207795(Ext:111), Fax: 08.38207794

- c) Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật cho đến khi Đại hội thực hiện việc kiểm phiếu.
- d) Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách tham dự tại Đại hội, Ban tổ chức sẽ mở Phiếu biểu quyết của Cổ đông bỏ phiếu từ xa để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách Cổ đông. Đối với các Cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, Phiếu biểu quyết của các Cổ đông bỏ phiếu từ xa sẽ được bỏ vào thùng phiếu và sẽ được kiểm tra và tổng hợp cùng các Phiếu biểu quyết tại Đại hội theo quy định tại Quy chế này.

4 Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu

Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc thực hiện ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết, bầu cử và tổng hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết và bầu cử.

Điều 5: Quy chế biểu quyết:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

1. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết :

1.1 Thẻ biểu quyết

Trên thẻ biểu quyết có các nội dung chính như sau:

- Họ và tên
- Số thứ tự
- Mã vạch
- Số phiếu sở hữu
- Số phiếu được ủy quyền
- Tổng phiếu biểu quyết

1.2 Phiếu biểu quyết

Trên Phiếu biểu quyết có các nội dung chính như sau:

- Họ tên cổ đông
- ID: số chứng minh nhân dân
- Tổng số phiếu biểu quyết
- Số phiếu sở hữu
- Số phiếu được ủy quyền
- Nội dung biểu quyết
- Tình trạng biểu quyết gồm:
 - Đồng ý
 - Không đồng ý
 - Không có ý kiến

2. Nguyên tắc, cách thức biểu quyết:

- 2.1 Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- 2.2 Hình thức biểu quyết bao gồm bỏ phiếu kín (phiếu biểu quyết) và biểu quyết công khai (thẻ biểu quyết) tại Đại hội.
- 2.3 Đối với mỗi nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết, Cổ đông/Người được ủy quyền chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào tình trạng biểu quyết lựa chọn.
- 2.4 Đối với các nội dung biểu quyết mà Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn.

3. Phân loại Phiếu biểu quyết:

3.1 Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu:

- a) Theo mẫu và có đóng dấu của SHP
- b) Phiếu không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- c) Đối với mỗi nội dung biểu quyết, Phiếu có chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết của nội dung đó.

3.2 Phiếu biểu quyết không hợp lệ: các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

3.3 Phiếu trắng: là những phiếu được phát tại ĐHĐCĐ nhưng không được gửi về cho Ban kiểm phiếu.

4. Thu thập phiếu biểu quyết:

4.1 Đối với các Phiếu biểu quyết được gửi đến HĐQT trước ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu từ xa, việc thu Phiếu biểu quyết sẽ được thực hiện sau khi ĐHĐCĐ đủ điều kiện để tiến hành.

4.2 Đối với các Phiếu biểu quyết được phát tại ĐHĐCĐ, việc thu Phiếu biểu quyết sẽ được thực hiện khi các Cổ đông/Người được ủy quyền hoàn tất việc biểu quyết.

4.3 Phiếu biểu quyết được thu thập sẽ được lưu trữ tại Thùng phiếu.

5. Điều kiện để các nội dung biểu quyết được thông qua: Các nội dung biểu quyết thông qua khi đạt tỷ lệ biểu quyết tối thiểu quy định cụ thể tại Điều 22 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Miền Nam.

6. Kiểm tra và tổng hợp kết quả

6.1 Phiếu biểu quyết sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra về tính hợp lệ theo quy định tại Quy chế này. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Phiếu này sẽ bao gồm việc kiểm tra cùng với các Phiếu được phát tại Đại hội.

6.2 Phiếu biểu quyết sau khi được kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm kiểm phiếu thì sẽ được tổng hợp để xác định kết quả kiểm phiếu. Khi tổng hợp kết quả, các Phiếu biểu quyết: (i) không hợp lệ, (ii) Phiếu chọn tình trạng Không có ý kiến, (iii) Phiếu trắng được tổng hợp chung là Không có ý kiến.

6.3 Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh các nội dung hiện hữu của Chương trình nghị sự thì các Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem như Vắng mặt tại nội dung đó. Tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tỷ lệ các Cổ đông tham dự trực tiếp tại Đại hội.

6.4 Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo đúng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến ba (03) số thập phân.

6.5 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

6.6 Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- a) Số cổ phần biểu quyết cho từng nội dung biểu quyết, bao gồm tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.
- b) Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thay mặt Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 6: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS

1. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT, BKS (theo hướng dẫn của khoản 1 điều 151 và điều 164 của Luật Doanh nghiệp)

- 1.1 Số lượng thành viên HĐQT : Do ĐHĐCĐ quyết định không quá mười một (11) người.
- 1.2 Số lượng thành viên BKS: từ ba (03) đến năm (05) thành viên
- 1.3 Nhiệm kỳ: 5 năm (2017-2022)
- 1.4 Số lượng ứng cử viên HĐQT, BKS tối đa: không giới hạn
- 1.5 Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS sẽ được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Phiếu bầu cử:

Trên Phiếu bầu cử có các thông tin sau:

- 2.1 Mã vạch
- 2.2 Họ và tên cổ đông/đại diện:
- 2.3 Số thứ tự
- 2.4 Số cổ phần sở hữu
- 2.5 Số cổ phần được ủy quyền
- 2.6 Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
- 2.7 Số phiếu bầu tối đa
- 2.8 Tổng hệ số phiếu bầu:
- 2.9 Danh sách các ứng cử viên
- 2.10 Hệ số phiếu bầu

3. Nguyên tắc, phương thức, cách thức bầu cử và xác định trúng cử

- 3.1 Việc bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 3.2 Cổ đông có thể chia hệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên nhưng tổng hệ số phiếu bầu không vượt quá số lượng thành viên được bầu. Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp



phân phối đều Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức tại Quy chế này Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ cấp lại phiếu bầu cử mới và thu hồi phiếu cũ.

- 3.3 Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT, BKS được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên theo quy định pháp luật và Điều lệ.
- 3.4 Trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì việc xét chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - a) Ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn.
 - b) Ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS lâu hơn sẽ được ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
- 3.5 Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

4. Phân loại phiếu bầu cử và cách ghi Phiếu bầu cử:

4.1 Phiếu bầu hợp lệ:

- a) Theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra và có đóng dấu của SHP
- b) Phiếu không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng theo hướng dẫn của Ban tổ chức, không viết thêm nội dung khác ngoài trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức.
- c) Thực hiện bầu cử tuân thủ theo các nguyên tắc bầu dồn phiếu.

4.2 **Phiếu bầu không hợp lệ:** là những phiếu không đúng theo quy định của Phiếu bầu hợp lệ.

4.3 **Phiếu trắng:** là những phiếu không được gửi về Ban tổ chức

4.4 Cách ghi Phiếu bầu cử:

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- a) Bầu thành viên HĐQT
 - Đại biểu chỉ ghi vào cột Hệ số phiếu bầu. Tổng cộng hệ số bầu không được vượt quá hệ số lượng thành viên được bầu.
 - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu.
- b) Bầu thành viên BKS
 - Đại biểu chỉ ghi vào cột Hệ số phiếu bầu. Tổng cộng hệ số bầu không được vượt quá hệ số lượng thành viên được bầu.
 - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu.



5. Thu thập Phiếu bầu cử:

- 5.1 Việc thu Phiếu bầu cử sẽ được thực hiện sau khi các Cổ đông/Người được ủy quyền hoàn tất việc biểu quyết.
- 5.2 Phiếu bầu cử được thu thập sẽ được lưu trữ tại Thùng phiếu.
- 5.3 Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- 5.4 Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu do Ban kiểm phiếu giám sát.

6. Kiểm tra và tổng hợp kết quả

- 6.1 Phiếu bầu cử sau khi được kiểm tra về tính hợp lệ sẽ được nhập liệu vào phần mềm kiểm phiếu thì sẽ được tổng hợp để xác định kết quả
- 6.2 Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo đúng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến ba (03) số thập phân.
- 6.3 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản bầu cử. Biên bản bầu cử được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
- 6.4 Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:
 - a) Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên
 - b) Tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội.
 - c) Tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội.
 - d) Trưởng Ban kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử tại Đại hội.

Điều 7: Khiếu nại:

Những khiếu nại về biểu quyết và bầu cử sẽ được Ban tổ chức thu thập và chuyển đến Chủ tọa Đại hội giải quyết.

Điều 8: Hiệu lực thi hành:

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội cổ đông thông qua.
- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội cổ Đông thường niên năm 2017 của SHP kết thúc.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT, TCKT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Quang Ái

BÁO CÁO

Phần thứ nhất: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Phần thứ hai: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP thủy điện Miền Nam

Năm 2016, tình hình khí tượng thủy văn diễn biến bất thường, cả nước phải hứng chịu hiện tượng Elnino được đánh giá là mạnh kỷ lục, có cường độ tương đương với kỳ Elnino 1997/1998 và kéo dài từ năm 2015 đến hết mùa khô năm 2016 nên lưu lượng nước về các tháng mùa khô năm 2016 cả 3 nhà máy đều thấp so với năm 2015 và so với số liệu thiết kế, đồng thời giá trần Thị trường điện (1171/1268 đ/kWh) và giá thị trường điện thấp hơn so với năm 2015. Những điểm không thuận lợi trên làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty.

Hôm nay, Công ty CP thủy điện Miền Nam kính xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Phần thứ nhất

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Ngày 28/04/2016 Đại hội đồng cổ đông đã có Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

1. Mức chi trả cổ tức năm 2015 là 16%. SHP đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông từ tháng 07/2016 với số tiền là 149,9 tỷ đồng.
2. Kế hoạch năm 2016:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 160,46 tỷ đồng.
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%) : 6,42 tỷ đồng.
 - Trả cổ tức cho cổ đông : 16%.

Kế hoạch lợi nhuận năm 2016 dựa trên chỉ tiêu sản xuất điện của 3 nhà máy: ĐaM'bri, Đa Dâng 2 và Đasiat với tổng sản lượng điện 602 triệu kWh.

I. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Do ảnh hưởng của hiện tượng Elnino, trong 6 tháng mùa khô đầu năm 2016, lưu lượng nước về hồ chứa các nhà máy thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015 và thấp hơn so với thiết kế.

- Nhà máy ĐaM'bri: 54,4% so với cùng kỳ, 59,0% so với số liệu trung bình nhiều năm.
- Nhà máy Đa Dâng 2: 63,1% so với cùng kỳ, 73,9% so với số liệu trung bình nhiều năm.
- Nhà máy Đasiat: 73,7% so với cùng kỳ, 103,3% so với số liệu trung bình nhiều năm.

Mùa mưa đến muộn từ tháng 07/2016, thủy văn có cải thiện, lưu lượng nước về đủ để sản xuất điện đối với nhà máy ĐaM'bri và Đasiat. Nhà máy Đa Dâng 2 phải đến trung tuần tháng 09/2016 lưu lượng nước về mới đủ để nhà máy sản xuất hết công suất.

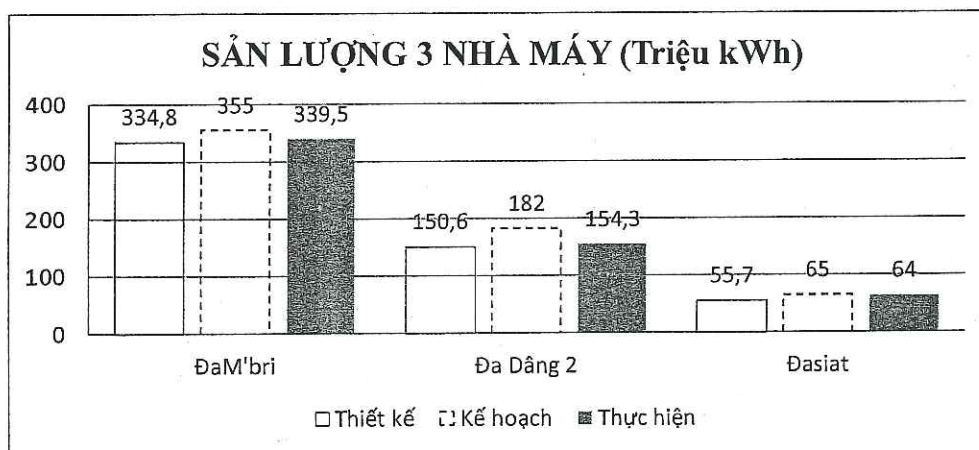
Các tháng cuối năm 2016, do ảnh hưởng của các cơn bão, áp thấp nhiệt đới, mưa dồn dập, lưu lượng nước về nhiều, các hồ phải xả tràn.

1) Về sản xuất:

Tính đến cuối năm 2016, tổng sản lượng phát điện 3 nhà máy: 557,8 triệu kWh, giảm 5,6% so với cùng kỳ và bằng 92,7% kế hoạch.

Tuy bị ảnh hưởng của hiện tượng Elnino, mùa mưa đến muộn nhưng sản lượng phát điện của 3 nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế, không để tình trạng mất nước trong vận hành do sự cố phải dừng máy.

- Nhà máy ĐaM'bri: sản lượng điện phát là 339,5 triệu kWh, bằng 95,6% kế hoạch và bằng 101,4% sản lượng thiết kế.
- Nhà máy Đa Dâng 2: sản lượng điện phát là 154,3 triệu kWh, bằng 84,8% kế hoạch và bằng 102,5% sản lượng thiết kế.
- Nhà máy Đasiat: sản lượng điện phát là 64,0 triệu kWh, bằng 98,5% kế hoạch và 114,8% sản lượng thiết kế.



2) Về Kết quả sản xuất kinh doanh:

Các yếu tố khách quan do thời tiết không thuận lợi, giá thị trường điện xuống thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có phần sụt giảm dẫn đến không hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)
Tổng sản lượng	Triệu kWh	602	557,8	92,7
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	582,2	514,4	88,3
Tổng chi phí	Tỷ đồng	416,7	412,3	98,9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	165,5	102,1	61,7
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,1	4,1	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	160,4	98,0	61,1

II. Công tác điều hành

1) Vận hành sản xuất nhà máy:

Công tác vận hành 3 nhà máy đảm bảo an toàn, trong năm không có sự cố do thiết bị.

Công ty đã tự thực hiện kiểm tra và duy tu định kỳ các nhà máy:

- Nhà máy ĐaM'bri: phối hợp với nhà thầu cung cấp thiết bị thay bộ cánh hướng và kiểm tra hết bảo hành sau 2 năm vận hành thiết bị nhà máy. Kết quả đạt yêu cầu.

- Nhà máy Đa Dâng 2: Công ty đã ký hợp đồng với nhà thầu Andritz Hydro-Áo cung cấp 2 bánh xe công tác, nhà thầu đã giao bánh xe công tác H1 vào tháng 06/2016, bánh xe thứ hai vào tháng 11/2016. Công ty đã thực hiện thay thế 2 bánh xe công tác và kết hợp đại tu các tổ máy trong tháng 02-03/2017. Sau khi thay bánh xe công tác, công suất 2 tổ máy tăng thêm 0,75MW/tổ máy.

- Nhà máy Đasiat: kiểm tra đường hầm dẫn nước chu kỳ 5 năm vận hành, kết quả không phát hiện dấu hiệu bất thường.

2) Hoạt động kinh doanh:

a) Nhà máy ĐaM'bri:

- Việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh có thể đem lại lợi ích tích cực nhưng cũng có thể bị ảnh hưởng tiêu cực cho đơn vị sản xuất điện, năm 2016 giá trần thị trường giảm, hiện tượng Elnino kéo dài, 6 tháng mùa khô lượng nước về hồ thấp, vào mùa mưa với 20 đợt mưa trên diện rộng, các hồ thủy điện trên cả nước đồng loạt xả lũ đồng nghĩa với giá thị trường điện xuống thấp. Nhìn chung giá thị trường điện xuống thấp, doanh thu nhà máy ĐaM'bri thấp hơn 15,2 tỷ đồng so với giá bán điện theo hợp đồng.

- Hợp đồng mua bán điện nhà máy ĐaM'bri được ký giữa Công ty và Công ty Mua bán điện từ năm 2013, với giá bán điện là 916,13 đ/kWh có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2015. Cuối năm 2015, Công ty đã thương thảo lại giá bán điện, ngày 12/01/2017 Công ty đã ký phụ lục hợp đồng với Công ty Mua bán điện với giá là 916,13 đ/kWh cho 2 năm 2016-2017

- Ngày 09/01/2017 Cục Điều tiết Điện lực-Bộ Công thương có văn bản số 20/ĐTĐL-GP yêu cầu: Không chậm hơn ngày 31/12/2017, SHP phải hoàn thành quyết toán vốn đầu tư dự án ĐaM'bri, tính toán lại giá bán điện và hoàn thành đàm phán giá điện, hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo qui định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT và Thông tư số 51/2015/TT-BCT của Bộ Công thương.

- Đề thương thảo giá bán điện nhà máy ĐaM'bri sau khi có tổng quyết toán hoàn thành dự án, Công ty sẽ thương thảo lại giá bán điện với EVN và giá bán điện này được tính kể từ khi nhà máy ĐaM'bri đi vào hoạt động thương mại.

b) Nhà máy Đa Dâng 2:

- Giá bán điện nhà máy Đa Dâng 2 theo 2 mùa: Giá bán điện mùa khô 686,7 đ/kWh (từ 01/10 năm trước đến 30/06 năm sau: 9 tháng); giá bán điện mùa mưa 547,7 đ/kWh (từ 01/07 đến 30/09: 3 tháng).

- Nhà máy Đa Dâng 2 tham gia thị trường với cơ chế nhà máy có hồ chứa điều tiết dưới 2 ngày, năm 2016 doanh thu tăng thêm 1,7 tỷ đồng so với giá theo hợp đồng.

c) Nhà máy Đasiat:

- Giá bán điện năm 2016 theo Biểu giá chi phí tránh được được Bộ Công thương ban hành theo Quyết định số 14579/QĐ-BCT ngày 30/12/2015. Giá bán điện bình quân tăng 0,9% so với biểu giá năm 2015.

3) Quyết toán hoàn thành dự án:

a) Dự án Đa Dâng 2:

Tổng mức đầu tư ban đầu (năm 2005): 592,322 tỷ đồng.

Đến nay Công ty đã hoàn tất quyết toán hoàn thành dự án. Báo cáo quyết toán đã được Đơn vị kiểm toán, Tổ thẩm tra kiểm tra và đã được HĐQT phê duyệt với giá trị thực hiện là:

- Tổng giá trị quyết toán: 498,148 tỷ đồng.
- Tài sản cố định hình thành qua đầu tư: 468,587 tỷ đồng.

b) Dự án ĐaM'bri:

Tổng mức đầu tư ban đầu (năm 2006): 1.798 tỷ đồng.

Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh (năm 2012): 2.648 tỷ đồng.

Đến nay Công ty đã hoàn tất quyết toán hoàn thành dự án. Báo cáo quyết toán đã được Đơn vị kiểm toán, Tổ thẩm tra kiểm tra và đã được HĐQT phê duyệt với giá trị thực hiện là:

- Tổng giá trị quyết toán: 2.418 tỷ đồng.
Giá trị này chưa bao gồm chi phí xây dựng giai đoạn 2 hạng mục: “Đầu tư hệ thống đường giao thông giai đoạn 2 dự án thủy điện ĐaM'bri” là 229 tỷ đồng, hạng mục này sẽ được thực hiện trong giai đoạn tiếp theo và được kiểm toán bổ sung vào giá trị quyết toán của công trình.
- Tài sản cố định hình thành qua đầu tư đến nay: 2.276 tỷ đồng.

4) Tài chính-tín dụng:

Tổng hợp tình hình tín dụng thực hiện năm 2016 như sau:

Ngân hàng	Dư nợ đầu năm 2016	Nợ gốc vay trả năm 2016	Lãi vay trả năm 2016	Dư nợ cuối năm 2016
VDB Lâm Đồng	418.983.000.000	66.156.000.000	27.154.711.758	352.827.000.000
VPBank	50.000.003.999	50.000.003.999	2.764.618.538	0
VCB – HCM	881.000.000.000	32.000.000.000	70.697.319.445	849.000.000.000
VIB – HCM	194.000.000.000	36.000.000.000	16.053.916.663	158.000.000.000
Cộng	1.543.983.003.999	184.156.003.999	116.670.566.404	1.359.827.000.000

Trong năm 2016, Công ty đã nỗ lực đàm phán với các ngân hàng nhằm giảm lãi suất vay, giảm gánh nặng về chi phí lãi vay cho Công ty. Với sự nỗ lực đó, Công ty đã đàm phán và ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với mức lãi suất giảm từ 0,4%/năm -> 1%/năm (theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể). Theo đó, chi phí lãi vay trong năm 2016 đã giảm đáng kể hơn 10 tỷ đồng.

5) Công tác cổ đông:

Tình hình cổ đông đến ngày 31/12/2016 như sau:

Stt	Loại cổ đông	Chưa lưu ký		Đã lưu ký		Tổng cộng		Tỷ lệ sở hữu CP
		Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Số lượng cổ đông	
I	Cổ đông trong nước	55.507.094	2.028	34.741.156	1.517	90.248.250	3.545	96,31%
1	Tổ chức	47.035.298	9	18.371.194	13	65.406.492	22	69,80%
a	Cổ đông lớn	45.784.358	1	9.990.890	1	55.775.248	2	59,52%
b	Cổ đông khác	1.250.940	8	8.380.304	12	9.631.244	20	10,28%
	Cá nhân	8.471.796	2.019	16.369.962	1.504	24.841.758	3.523	26,51%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	3.461.950	16	3.461.950	16	3,69%
	Tổ chức	-	-	3.375.240	3	3.375.243	3	3,60%
	Cá nhân	-	-	86.710	13	86.710	13	0,09%
	Tổng cộng	55.507.094	2.028	38.203.106	1.533	93.710.200	3.561	100%

- Ngày 21-22/09/2016 Tổng công ty CP Bia-Rượu-nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) sở hữu 18.950.713 cổ phiếu chiếm 20,22% đã bán hết cổ phiếu và không còn là cổ đông của SHP.
- Đến ngày 31/12/2016, SHP có 2 cổ đông lớn là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh theo danh sách của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam gửi.

6) Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lao động cuối năm 2016: 122 người.
- Trong năm 2016, Công ty đã ban hành và áp dụng quy định mới về tuyển dụng lao động, quy định về hoạt động đào tạo đối với người lao động.
- Công tác tuyển dụng của Công ty được thực hiện theo nhu cầu và kế hoạch phát triển, thông tin tuyển dụng được đăng công khai và thực hiện đúng qui trình tuyển dụng của Công ty.
- Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, người lao động tại Công ty luôn được tạo điều kiện đi học tập nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ. Công ty thường xuyên cử người lao động tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, học tập kinh nghiệm trong vận hành, sửa chữa của các nhà máy thủy điện.
- Chính sách tiền lương: thực hiện quy định của pháp luật về lao động, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn để thực hiện xây dựng và ban hành hệ thống thang bảng lương cùng với quy chế chi trả tiền lương, quy chế nâng bậc lương mới. Quy định về hệ thống thang bảng lương và quy chế chi trả tiền lương, quy chế nâng bậc lương mới được Công ty tổ chức lấy ý kiến và được sự đồng thuận của Ban chấp hành Công đoàn và người lao động trước khi ban hành và áp dụng từ ngày 01/01/2016.

- Việc chi trả lương được thực hiện đúng hạn, thông báo chi tiết lương tháng qua email đến từng người lao động, qua đó người lao động biết được thông tin đầy đủ về cách tính lương, các khoản được trừ trong lương: thuế thu nhập cá nhân, các khoản trích đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp.

- Thu nhập bình quân người lao động năm 2016: 17.585.000 đồng/tháng.

7) Tuân thủ pháp luật trong công tác quản lý nhà máy thủy điện, bảo vệ môi trường:

Công ty thực hiện nghiêm túc các qui định của nhà nước về quản lý an toàn đập, xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ đập, phương án PCLB, phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du.

Bảo vệ môi trường: Công tác giám sát môi trường được các đơn vị chức năng thực hiện định kỳ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trồng tái tạo rừng và thực hiện nghĩa vụ thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng hàng năm.

Các nhà máy thủy điện của Công ty ngoài việc sản xuất và cung cấp điện còn có vai trò điều tiết dòng chảy các sông suối trên địa bàn đặt nhà máy, đặc biệt nhà máy Đa Dâng 2 có hệ thống kênh dẫn nước dài 2,7km của tuyến năng lượng băng qua vùng sản xuất nông nghiệp, Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới canh tác 400ha trên tổng số 1000ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Tân Thành-huyện Đức trọng-tỉnh Lâm Đồng.

Công ty đã xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM) của Ủy ban biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc, Công ty đã đăng ký thành công cả 3 nhà máy thành các dự án theo cơ chế phát triển sạch, tổng chỉ tiêu giảm phát thải hàng năm khoảng 311.500 tấn CO₂. Công ty đã có khối lượng giảm phát thải khoảng 1.050.000 tấn CO₂, trong đó ngày 07/11/2014 Ban chấp hành quốc tế về cơ chế phát triển sạch (EB) đã chính thức cấp chứng chỉ giảm phát thải nhà kính giai đoạn tín dụng đầu tiên cho dự án nhà máy Đa Dâng 2 với khối lượng 212.197 tCO₂.

8) Trách nhiệm đối với cộng đồng:

Song song với mục tiêu doanh nghiệp chuyên về năng lượng tái tạo, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, SHP cũng mong muốn chia sẻ lợi ích với cộng đồng qua các hoạt động:

- Chương trình "Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo năm 2016" tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng do Báo Tuổi trẻ Lâm Đồng tổ chức.
- Tặng quà cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Tặng quà cho các em tại Cơ sở bảo trợ mái ấm tình thương Lagi-Bình Thuận.
- Đóng góp gây quỹ giúp đỡ các Hội viên Hội cựu TNXP Quận 1 có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Ủng hộ đồng bào Miền Trung khắc phục thiên tai.

Phần thứ hai
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

1) Kế hoạch sản lượng:

Năm 2017 Công ty xây dựng kế hoạch với mức phấn đấu cao:

- Sản lượng nhà máy ĐaM'bri bằng 105% sản lượng thiết kế, các nhà máy Đa Dâng 2, Đasiat bằng bình quân sản lượng điện nhiều năm từ khi vận hành đến nay.
- Giá bán điện nhà máy Đasiat dựa trên giá bán bình quân năm 2016, nhà máy Đa Dâng 2 và ĐaM'bri dựa trên giá bán điện của hợp đồng.

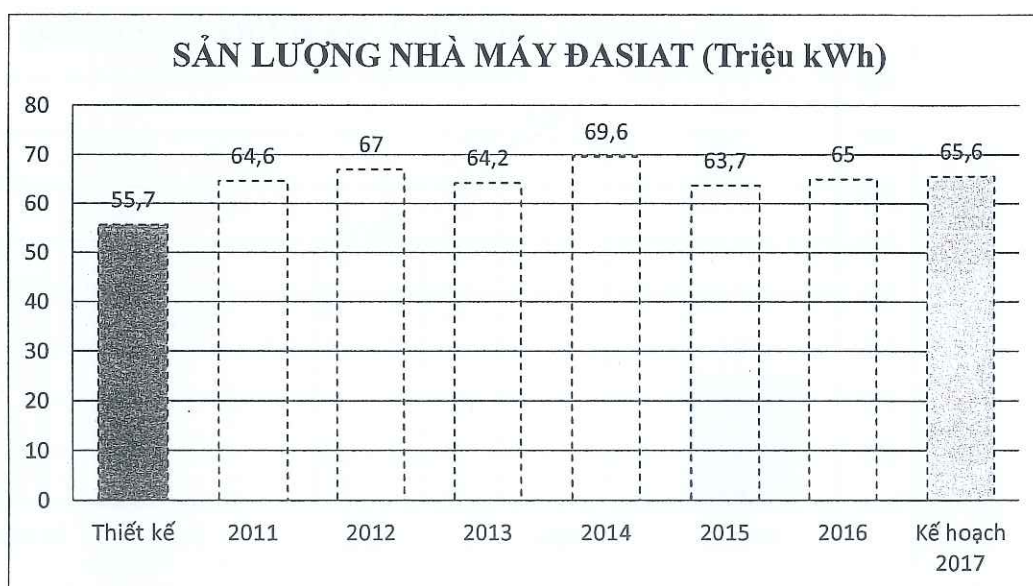
Công ty CP thủy điện Miền Nam kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kế hoạch năm 2017 như sau:

Tổng sản lượng của 3 nhà máy cho kế hoạch năm 2017 là 596,6 triệu kWh.

Trong đó:

- Sản lượng nhà máy Đasiat: 65,6 triệu kWh.

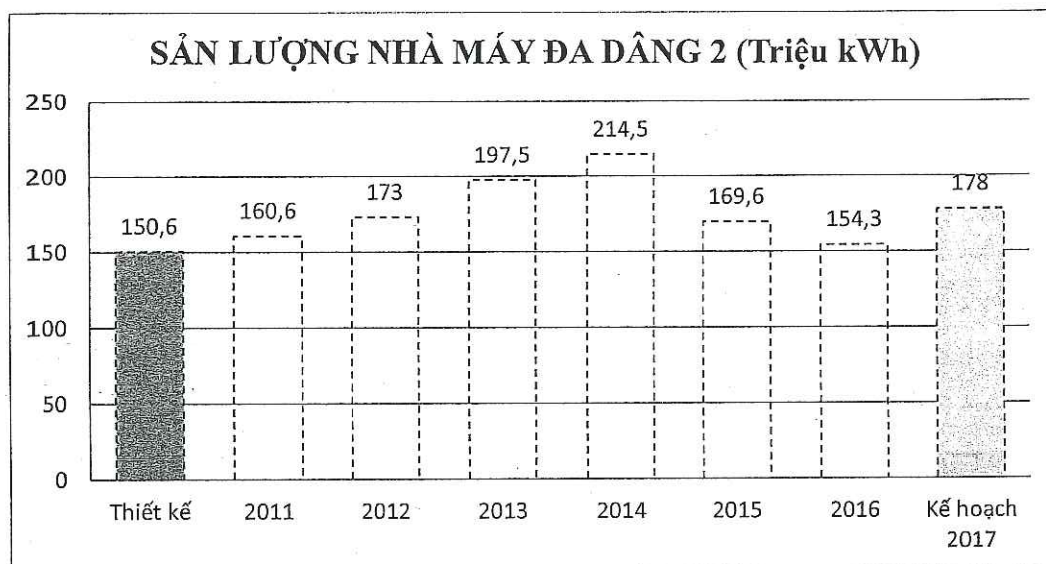
Kế hoạch năm 2017 được xây dựng trên cơ sở bình quân sản lượng 6 năm từ 2011-2016.



(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 55,7 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 59,3 triệu kWh/năm).

- Sản lượng Nhà máy Đa Dâng 2: 178 triệu kWh.

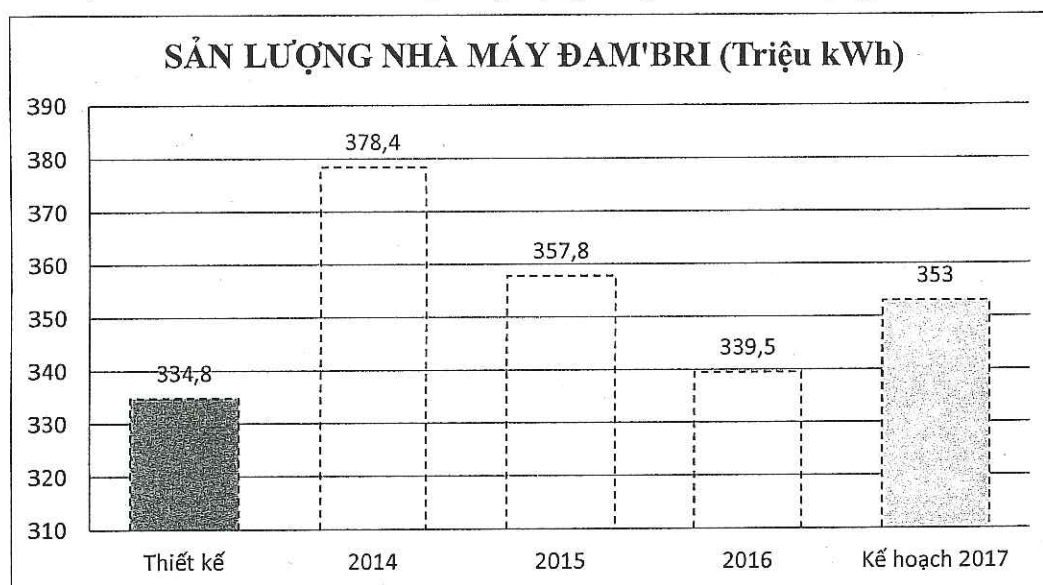
Kế hoạch năm 2016 được xây dựng trên cơ sở bình quân sản lượng 6 năm từ 2011-2016.



(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 150,6 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 152,1 triệu kWh/năm).

- Sản lượng Nhà máy ĐaM'bri: 353 triệu kWh.

Kế hoạch sản xuất năm 2017 được xây dựng bằng 105% sản lượng thiết kế.



(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 334,8 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 338,2 triệu kWh/năm).

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	573,0
Tổng chi phí	418,0
Lợi nhuận trước thuế	155,0

Thuế TNDN	5,0
Lợi nhuận sau thuế	150,0

3) Công tác khác:

a) Công tác đại tu:

Năm 2017, theo kế hoạch định kỳ, công tác đại tu các nhà máy như sau:

- Nhà máy Đasiat: Đại tu tổ máy H1, son đường ống áp lực.
- Nhà máy Đa Dâng 2: Thay hai bánh xe công tác, đại tu hai tổ máy H1, H2.

Nhiệm vụ đại tu các nhà máy đã được Công ty thực hiện hoàn tất trong các tháng 1, 2, 3/2017.

b) Đầu tư dự án Điện mặt trời:

Theo quy hoạch Tổng sơ đồ phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 điều chỉnh (gọi tắt là Tổng sơ đồ VII điều chỉnh) được Thủ tướng Chính phủ duyệt tháng 03/2016: đưa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể hiện nay lên 850MW vào năm 2020, khoảng 4.000MW vào 2025 và khoảng 12.000MW vào năm 2030.

Qua dữ liệu của NASA, tiềm năng bức xạ mặt trời của nước Việt Nam từ 3 kWh/m².ngày đến 5,6 kWh/m².ngày, khu vực dự án Đa Dâng 2 khoảng 5,09 kWh/m².ngày. Với dữ liệu này thì khu vực Đa Dâng 2 được đánh giá là khu vực có tiềm năng tốt để phát triển điện mặt trời.

Cùng với chủ trương của Nhà nước khuyến khích đầu tư các nguồn điện, đặc biệt là năng lượng sạch, tận dụng những diện tích đất bãi thải, khu phụ trợ đã được đền bù của dự án Đa Dâng 2, tận dụng diện tích mặt nước, vùng bán ngập, kênh dẫn nước, Công ty đã thuê Công ty CP tư vấn xây dựng điện 3 nghiên cứu lập Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 với qui mô công suất lắp đặt ước từ 20-30MW.

Công ty đang trình hồ sơ bổ sung quy hoạch.

Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch năm 2017 và kính mong được chấp thuận.

Công ty CP thủy điện Miền Nam kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- P1, P2, P3, CNLĐ;
- Lưu VT.



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016 VÀ
NHIỆM KỲ 2012-2017

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Thủy điện Miền Nam xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình hoạt động của HĐQT năm 2016 và hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 như sau:

I. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2016:

Trong năm 2016, tình hình khí tượng thủy văn không lạc quan, cả nước phải hứng chịu hiện tượng El Niño được đánh giá là mạnh kỷ lục, kéo dài 20 tháng từ năm 2015 đến năm 2016, các hồ thủy điện thiếu nước để sản xuất. Kết thúc El Niño, mùa mưa đến muộn với 20 đợt mưa trên diện rộng cả nước, các hồ thủy điện đồng loạt xả lũ. Điều này đã làm sản lượng 3 nhà máy thủy điện của Công ty chỉ đạt 557,83 triệu kwh, giảm 5,10% so với năm 2015. Đồng thời giá trên thị trường điện trong năm qua có sự sụt giảm từ 1.268 đồng/kWh xuống còn 1.171 đồng/kWh, vào mùa mưa các hồ thủy điện xả lũ đồng nghĩa với giá thị trường điện xuống thấp, bình quân giá bán điện giảm nhiều so với năm 2015 làm ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả SXKD của Công ty. Doanh thu phát điện giảm 81,67 tỷ đồng, tương đương giảm 13,73% so với năm 2015 khiến cho Công ty không thể hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

Tuy không đạt kế hoạch SXKD, ba nhà máy thủy điện đều có sản lượng điện vượt sản lượng thiết kế.

Với kết quả đạt được, HĐQT đánh giá Công ty CP Thủy điện Miền Nam (SHP) đã cố gắng để đạt được kết quả tốt nhất trong điều kiện khó khăn năm 2016.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2016:

1. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2016, HĐQT luôn bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để chỉ đạo Công ty kịp thời cũng như tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm qua, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định theo thẩm quyền, cụ thể như sau:

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
1	02/NQ-CPTĐMN- HĐQT	11/01/2016	- Thống nhất công nhận Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015;

			- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 để trình ĐHĐCĐ; - Về kế hoạch chi phí tiền lương năm 2016: Giao Công ty xây dựng kế hoạch chi phí tiền lương theo năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh; - Công ty hiệu chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động để trình ĐHĐCĐ năm 2016, đồng thời hiệu chỉnh các quy chế của Công ty để ban hành; - Về tín dụng: Công ty thương thảo với các ngân hàng tài trợ để hạ lãi suất biên các khoản vay; - Về công tác đền bù: Công ty tập trung giải quyết các tồn tại trong công tác đền bù của dự án Đa Dâng 2 và Đa M'Bri.
2	07/QĐ-CPTĐMN- HĐQT	26/01/2016	Phê duyệt kế hoạch duy tu, sửa chữa các hạng mục công trình và dự toán kinh phí nhà máy thủy điện ĐaM'Bri
3	09/ QĐ-CPTĐMN- HĐQT	09/3/2016	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự, thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ năm 2016
4	11/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	24/03/2016	Phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành đợt 1 (thuộc dự án Thủy điện Đa M'Bri)
5	13/NQ-CPTĐMN- HĐQT	24/03/2016	- Về dự thảo sửa đổi Điều lệ, HĐQT thống nhất: + Mô hình công ty gồm; ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; + Ban kiểm soát: Các thành viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách; + HĐQT và Ban Kiểm soát thống nhất giữ nguyên thành viên Ban Kiểm soát và sẽ được bầu lại tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; - Về quy chế quản trị Công ty: Công ty rà soát và hiệu chỉnh lại cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi. - HĐQT thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch năm 2016 trình ĐHĐCĐ;

			+ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015: * Lợi nhuận sau thuế năm 2015: 164,56 tỷ đồng. * Tỷ lệ cổ tức: 16% + Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016: * Lợi nhuận sau thuế năm 2016: 160,46 tỷ đồng. * Tỷ lệ cổ tức: 16%
6	22/NQ-CPTĐMN-HĐQT	12/04/2016	- Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. - Về đầu tư dự án thủy điện mới: HĐQT cử các thành viên gồm ông Trịnh Phi Anh, ông Lê Chí Phước, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Nguyễn Văn Thịnh làm việc với chủ đầu tư dự án thủy điện Đa Dâng 3. Kết quả làm việc báo cáo lại HĐQT xem xét, quyết định.
7	25/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	10/05/2016	Về việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
8	28/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/06/2016	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2015
9	29/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/06/2016	Phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
10	31/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/07/2016	Phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành đợt 2 (thuộc Dự án thủy điện Đa M'Bri)
11	32/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/07/2016	Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động năm 2016
12	35/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	02/08/2016	Phê duyệt chi phí tiền lương, tiền thưởng an toàn điện năm 2016
13	37/NQ-CPTĐMN-HĐQT	19/08/2016	- Thống nhất số liệu kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 - Thành lập tổ Thẩm tra quyết toán Dự án hoàn thành "Dự án thủy điện Đa Dâng 2" - Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty. - Thống nhất chủ trương về đầu tư dự án thủy điện mới. Giao Công ty tiếp xúc với Chủ đầu tư. Kết quả làm báo cáo lại HĐQT xem xét quyết định.
14	39/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	19/08/2016	Thống nhất vay Ngân hàng TNHH MTV

			Shinhan Việt Nam để tái cấu trúc tài chính
15	40/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	12/09/2016	Ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
16	42/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/12/2016	Bổ sung phần vốn tự có sử dụng cho dự án thủy điện Đa M'Bri.
17	47/ NQ-CPTĐMN-HĐQT	29/12/2016	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016; - Thông qua kế hoạch chi phí tiền lương 2017; - Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành – Dự án thủy điện Đa Dâng 2; - Thông qua báo cáo của thành viên HĐQT về việc thương thảo chuyển nhượng dự án Thủy điện Đa Dâng 3 không thành công; - Thông qua đề xuất cho duy trì hoạt động của Tổ thẩm tra quyết toán dự án Đa Dâng 2 để thực hiện thẩm tra quyết toán dự án ĐaM'Bri.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành (TGD):

Trong năm 2016, HĐQT đã thực hiện đúng quy định của Điều lệ Công ty về việc giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty trong công tác điều hành đã bám sát các Nghị quyết/Quyết định do HĐQT ban hành. Khi có vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, Tổng giám đốc xin ý kiến HĐQT để giải quyết kịp thời.

HĐQT đánh giá Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng trong điều hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đối với người lao động trong Công ty.

III. Hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017:

HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 được ĐHCĐ thường niên năm 2012 ngày 12/4/2012 thông qua danh sách trúng cử gồm 7 thành viên:

1. Ông Trịnh Phi Anh;
2. Ông Nguyễn Văn Dũng;
3. Ông Nguyễn Thành Duy;
4. Bà Trịnh Thị Tuyết Minh;
5. Ông Lê Chí Phước;
6. Ông Nguyễn Hữu Phương;
7. Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Trong quá trình điều hành, số lượng thành viên HĐQT thay đổi như sau:

1. Ngày 07/3/2014, bổ sung ông Nguyễn Việt Tuấn, người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn tại SHP làm thành viên HĐQT thay thế bà Trịnh Thị Tuyết Minh.

2. Ngày 01/8/2014, bổ sung ông Hồ Quang Ái, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Miền Nam (EVN-SPC), người đại diện quản lý phần vốn của EVN-SPC tại SHP làm thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Thành Duy.

3. Ngày 11/01/2016, ông Nguyễn Hữu Phương từ nhiệm, không còn là Thành viên HĐQT do không còn là người đại diện phần vốn của EVN-SPC tại SHP.

4. Ngày 29/12/2016, ông Nguyễn Việt Tuấn từ nhiệm, không còn là Thành viên HĐQT do không còn là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn tại SHP.

Tổng số thành viên HĐQT hiện nay là 05 người:

1. Ông Hồ Quang Ái;
2. Ông Trịnh Phi Anh;
3. Ông Nguyễn Văn Dũng;
4. Ông Lê Chí Phước;
5. Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Sau khi đưa Nhà máy thủy điện Đa Siat và Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 đi vào hoạt động, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Công ty sớm đưa Nhà máy thủy điện Đa M'Bri đi vào vận hành, một số chỉ đạo chính như sau:

- Chấm dứt hợp đồng, cắt giảm khối lượng, thay thế các nhà thầu thi công chậm tiến độ công trường Nhà máy thủy điện Đa M'Bri;

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ để được giúp đỡ tháo gỡ khó khăn trong công tác đền bù;

- Vay tín dụng bổ sung để đầu tư, vay tín dụng tái cấu trúc dự án Đa M'Bri;

- Niêm yết cổ phiếu SHP tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM;

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án mới;

- Xây dựng, hiệu chỉnh Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế quản lý phục vụ công tác điều hành Công ty.

↳ Các cột mốc quan trọng:

- Ngày 31/12/2013, Nhà máy Thủy điện Đa M'Bri phát điện lên lưới điện quốc gia;

- Ngày 21/7/2014, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Kính thưa quý Cổ đông!

Những năm 2012-2013, tình hình kinh tế tài chính đang trong giai đoạn khó khăn, ngân hàng hạn chế giải ngân, lãi suất tín dụng tăng cao, các nhà thầu

xây dựng suy yếu, không còn khả năng thực hiện hợp đồng, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng Nhà máy thủy điện Đa M'Bri.

Mặc dù vậy, với tinh thần trách nhiệm, HĐQT cùng với Ban điều hành đã có những giải pháp linh hoạt, vượt qua khó khăn, phấn đấu đưa Nhà máy thủy điện Đa M'Bri đi vào vận hành vào cuối năm 2013. Ba nhà máy thủy điện Công ty đầu tư từ khi đi vào vận hành đến nay luôn sản xuất sản lượng điện vượt thiết kế, là nền tảng vững chắc đảm bảo hiệu quả đầu tư của cổ đông.

Thưa quý cổ đông, nhu cầu tiêu thụ năng lượng điện tại Việt Nam là rất lớn và việc phát triển nguồn điện là tất yếu, nhu cầu tiêu thụ điện tăng bình quân 13%/năm giai đoạn 2006-2010 và 11% giai đoạn 2011-2016, nhu cầu tiêu thụ điện dự kiến đạt mức 506 tỷ kWh vào năm 2030. Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức trong lĩnh vực năng lượng như nhu cầu năng lượng tăng cao để đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh các nguồn thủy điện lớn cơ bản đã khai thác hết, dự án điện hạt nhân đã tạm dừng triển khai, hiện nay đang tiếp tục phát triển nguồn điện than, giá thành sản xuất điện than hiện nay từ 5-7 Cents/kWh, giá điện gió trên bộ là 7,8 Cents/kWh, dự án thí điểm ngoài biển là 9,8 Cents/kWh, giá điện mặt trời vừa được Chính phủ phê duyệt là 9,35 Cents/kWh, giá bán lẻ điện bình quân cho tiêu thụ đang áp dụng là 7,3 Cents/kWh và tăng dần trong tương lai. Như vậy, quý cổ đông có thể tin tưởng về triển vọng hiệu quả kinh doanh trong dài hạn của Công ty.

Năm 2016, hiện tượng thời tiết bất thường làm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch. Bước vào năm 2017, sản xuất kinh doanh Quý I và 4 tháng đầu năm vượt cao so với cùng kỳ năm 2016. Đây là tiền đề để chúng ta tin tưởng Công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 được quý vị cổ đông thông qua.

Cùng với chủ trương của Nhà nước khuyến khích đầu tư nguồn năng lượng sạch, Công ty đã xin bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 và tiếp tục tìm kiếm các dự án thủy điện vừa và nhỏ, điện gió, điện mặt trời để xem xét đầu tư.

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Miền Nam trong nhiệm kỳ của mình đã cố gắng, toàn tâm, toàn ý hoạt động vì mục tiêu bảo vệ lợi ích của cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành và thực hiện tốt công tác quản trị. Hội đồng quản trị xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, gắn bó với Công ty những năm vừa qua.

Xin kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Ái

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (sau đây viết tắt là Công ty), Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền các nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của Công ty.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc triển khai, thực hiện nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính các quý và cả năm 2016.
- Tham gia Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư Dự án thủy điện Đa Dâng 2.
- Tham gia Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư Dự án thủy điện Đa M'Bri.

2. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2016:

Họ và tên	Chức vụ	Lương tháng bao gồm thuế TNCN (đồng)	Thù lao tháng sau thuế TNCN(đồng)	Thời gian hưởng
Lê Thanh Hải (*)	Trưởng BKS	33.940.000	-	05/2016 – 12/2016
Hoàng Minh Dũng	Trưởng BKS	-	6.000.000	01/2016 – 04/2016
Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	-	3.000.000	05/2016 – 12/2016
Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	-	3.000.000	05/2016 – 12/2016
Thang Thanh Hà	Thành viên BKS	-	3.000.000	01/2016 – 04/2016
Tô Công Thanh Lộc	Thành viên BKS	-	3.000.000	01/2016 – 04/2016
Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2016: 367.520.000 đồng				

❖ Ghi chú:

- Ông Lê Thanh Hải và Bà Đỗ Thị Hải Âu được ĐHĐCĐ thường niên Công ty ngày 28/04/2016 bầu thay thế ông Thang Thanh Hà và ông Tô Công Thanh Lộc.
- (*): Lương của Trưởng BKS chuyên trách và thù lao của thành viên BKS được thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty ngày 28/04/2016.

II. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2015	Tỉ lệ (%) thực hiện năm 2016 so với	
						Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2015
A	Tổng sản lượng điện:	Triệu kWh	602,0	557,8	591,2	92,7	94,4
1	- Sản lượng Đa siat	Triệu kWh	65,0	64,0	63,8	98,5	100,3
2	- Sản lượng Đa Dâng 2	Triệu kWh	182,0	154,3	169,6	84,8	91,0
3	- Sản lượng Đa M'Bri	Triệu kWh	355,0	339,5	357,8	95,6	94,9
B	Tổng doanh thu:	Tỷ đồng	582,2	514,4	598,6	88,4	86,0
1	Doanh thu bán điện:	Tỷ đồng	581,9	513,0	594,7	88,2	86,3
1.1	- Doanh thu Đa siat	Tỷ đồng	69,6	68,2	71,2	98,0	95,8
1.2	- Doanh thu Đa Dâng 2	Tỷ đồng	139,5	115,6	129,8	82,9	89,1
1.3	- Doanh thu Đa M'Bri	Tỷ đồng	372,8	329,2	393,7	88,3	83,6
2	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,3	1,4	3,9		
C	Tổng chi phí	Tỷ đồng	416,7	412,3	429,2	99,0	96,1
D	Lợi nhuận trước thuế (B-C)	Tỷ đồng	165,5	102,1	169,4	61,7	60,3
E	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,1	4,1	4,9	80,4	83,7
F	Lợi nhuận sau thuế (D-E)	Tỷ đồng	160,4	98,0	164,5	61,1	59,6
G	Giá bán điện bình quân: (B.1/A)	Đồng/kwh	966,6	919,7	1.005,9	95,1	91,4
1	- Giá bán điện bình quân Đa siat (B.1.1/A.1)	Đồng/kwh	1.070,8	1.065,6	1.116,0	99,5	95,5
2	- Giá bán điện bình quân Đa Dâng 2 (B.1.2/A.2)	Đồng/kwh	766,5	749,2	765,3	97,7	97,9
3	- Giá bán điện bình quân Đa M'Bri (B.1.3/A.3)	Đồng/kwh	1.050,1	969,7	1.100,3	92,3	88,1

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về chỉ tiêu sản lượng điện:

Do tình hình biến động thời tiết trong năm 2016, khô hạn kéo dài và mùa mưa đến chậm gây ảnh hưởng đến việc vận hành các nhà máy. Tổng sản lượng điện thực hiện năm 2016 chỉ đạt 92,7% so với kế hoạch (giảm 44,2 triệu kwh) và chỉ đạt 94,4% so với thực hiện năm 2015. Sản lượng điện thực hiện năm 2016 của nhà máy Đa siat là khả quan nhất đạt 98,5% so với kế hoạch và đạt 100,3% so với thực hiện của năm 2015. Nhà máy Đa Dâng 2 có tỉ lệ sản lượng điện thực hiện năm 2016 so với kế hoạch là thấp nhất, chỉ đạt 84,8% và so với thực hiện năm 2015 là 91%.

b) Về chỉ tiêu giá bán điện bình quân:

Giá bán điện bình quân thực hiện trong năm 2016 của cả 03 nhà máy đều giảm so với kế hoạch và thấp hơn so với thực hiện năm 2015. Trong đó giá bán điện bình quân thực hiện năm 2016 của nhà máy Đa siat khả quan nhất là 1.065,6 đồng/kwh, đạt 99,5% so với kế hoạch và đạt 95,5% so với thực hiện 2015. Giá bán điện bình quân thực hiện năm 2016 của nhà máy Đa M'Bri là 969,7 đồng/kwh, thấp nhất so với kế hoạch chỉ đạt 92,3% và so với thực hiện năm 2015 chỉ đạt 88,1%.

c) Về doanh thu bán điện:

Do ảnh hưởng của sản lượng và giá bán điện bình quân nên doanh thu bán điện của các nhà máy thực hiện trong năm 2016 không đạt kế hoạch và thấp hơn so với thực hiện năm 2015. Trong đó, doanh thu thực hiện năm 2016 của nhà máy Đa siat là khả quan nhất đạt 98% so với kế hoạch và đạt 95,8% so với thực hiện năm 2015. Doanh thu thực hiện năm 2016 của hai nhà máy còn lại đều thấp so với kế hoạch, Đa Dâng 2 đạt 82,9%, Đa M'Bri đạt 88,3%.

d) Về chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận:

Chi phí thực hiện trong năm 2016 biến động ít so với kế hoạch. Do sản lượng điện và giá bán điện bình quân thực hiện trong năm 2016 không đạt so với kế hoạch và thấp so với thực hiện năm 2015 làm doanh thu thực hiện trong năm 2016 giảm. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 98 tỷ đồng chỉ đạt 61,1% so với kế hoạch và bằng 59,6% so với thực hiện năm 2015.

III. Đánh giá công tác quản lý, điều hành và thẩm định Báo cáo về hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2016:

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2016:

a) Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):

- Trong năm 2016, HĐQT đã triển khai thực hiện nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các phiên họp HĐQT có số lượng thành viên tham dự họp đảm bảo theo đúng quy định và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Nội dung cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Công ty.
- Những vấn đề HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty và đều được gửi đến Ban kiểm soát.
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT về điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vướng mắc, trở ngại trong sản xuất kinh doanh để cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đã được thông qua trong nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016.

b) Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực phấn đấu thực hiện kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp giao ban Công ty hằng tuần nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các bộ phận, đưa ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Do vậy công tác chỉ đạo điều hành của các bộ phận được chặt chẽ, sát sao hơn, mọi vướng mắc của các bộ phận luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời.

2. Giám sát thực hiện nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016:

a) Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 với mức lợi nhuận sau thuế là 98 tỷ đồng so với kế hoạch là 160,4 tỷ đồng, đạt 61,1% do nguyên nhân chính là điều kiện thời tiết không thuận lợi và giá bán điện bình quân thấp. Tuy nhiên, Ban kiểm soát cũng ghi nhận HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, cụ thể:

- Duy trì và đạt mức sản lượng điện trong năm 2016 đều vượt thiết kế của cả 3 nhà máy.
- Tích cực đàm phán với các ngân hàng về giảm lãi suất cho vay trong năm 2016 và đã giảm được chi phí lãi vay do chênh lệch lãi suất trong năm 2016 là hơn 9 tỷ đồng. Đây cũng chính là nội dung cam kết của đại diện lãnh đạo Công ty khi trả lời chất vấn của cổ đông tại phiên thảo luận trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2016.
- Tích cực đàm phán với Công ty Mua Bán điện về giá bán điện của nhà máy thủy điện Đa M'Bri (ngày 12/01/2017, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng với Công ty Mua Bán Điện với giá là 916,3 đ/kwh cho hai năm 2016, 2017)

b) Về chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2016:

Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2016 của Công ty.

c) Về chi cổ tức trong năm 2016:

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, tỷ lệ trả cổ tức của năm 2015 là 16%, tương đương khoảng 150 tỷ đồng, được thực hiện trong năm 2016. Công ty đã thông báo và thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông đúng với mức 16% trong năm 2016. Tuy nhiên tính đến ngày 31/12/2016 số cổ tức chưa chi trả là 12,5 tỷ đồng (đây là số cổ tức chưa chi trả của năm 2015 và các năm trước của một số cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu và chưa đến Công ty nhận trực tiếp hoặc chưa gửi thông tin để Công ty thực hiện chuyển khoản chi trả cổ tức). Công ty vẫn đang tiếp tục chi trả cổ tức theo yêu cầu của các cổ đông.

d) Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty để phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014. Ngày 10/05/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ký quyết định ban hành bản Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung đã được gửi đến các cơ quan quản lý, đồng thời đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.

3. Giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán liên quan tới Công ty niêm yết và công tác liên quan tới cổ đông:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các nghĩa vụ đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định của Luật chứng khoán về thực hiện báo cáo đối với cơ quan quản lý, thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường trên các phương tiện công bố thông tin như: trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Các Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị Công ty, Báo cáo thường niên; Nghị quyết ĐHĐCĐ; nghị quyết và quyết định của HĐQT (theo quy định phải công bố)...được công bố đầy đủ, kịp thời, minh bạch, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Về giải quyết khiếu nại của cổ đông: Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại của cổ đông về hoạt động của Công ty, về việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

4. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2016:

- Qua quá trình giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2016, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản lý và điều hành Công ty.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát thống nhất với các Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong năm 2016 về các mặt của Công ty.

IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016:

1. Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016:

- Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính đã được lập tại thời điểm 31/12/2016 và được Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt ngày 27/03/2017.
- Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (đây là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết). Ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán: “Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được Ban Tổng giám đốc phê duyệt vào ngày 27/03/2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.”

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016:

a) Số liệu Bảng cân đối kế toán:

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã	31/12/2016	31/12/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100	198.631.521.209	303.960.667.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	48.233.374.014	157.842.270.267
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3.821.364.689	3.821.364.689
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	127.300.842.439	118.998.231.095
IV. Hàng tồn kho	140	13.642.245.596	3.352.347.389
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.633.694.471	19.946.454.360
B - Tài sản dài hạn	200	2.447.067.329.039	2.609.021.439.202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	444.394.875
II. Tài sản cố định	220	2.445.710.116.696	2.606.385.617.790
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	17.966.668	635.599.623
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.339.245.675	1.555.826.914
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	2.645.698.850.248	2.912.982.107.002

C. Nợ phải trả	300	1.468.420.632.780	1.676.012.561.397
I. Nợ ngắn hạn	310	268.749.632.780	316.185.561.397
II. Nợ dài hạn	330	1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.177.278.217.468	1.236.969.545.605
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.645.698.850.248	2.912.982.107.002

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015	Tăng, giảm (+,-)
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	92,5	89,6	2,9
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	7,5	10,4	-2,9
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,5	57,5	-2,0
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,5	42,5	2,0
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,25	1,35	-0,10
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	0,69	0,95	-0,26
	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	lần	1,80	1,74	0,06
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,74	0,96	-0,22
4	Hiệu quả sử dụng vốn				
	Doanh thu/Tổng nguồn vốn	lần	0,19	0,21	-0,02
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,04	0,06	-0,02
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,08	0,13	-0,05

c) Nhận xét đánh giá các chỉ tiêu tài chính:

- Về cơ cấu tài sản: cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trong tổng tài sản của năm 2016 so với năm 2015 biến động nhỏ, giao động trong khoảng chỉ từ 2% đến 3%.

- Về cơ cấu nguồn vốn: trong năm 2016, tỉ trọng nợ phải trả vẫn lớn hơn tỉ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn (số nợ phải trả gấp 1,25 lần vốn chủ sở hữu), tuy nhiên đã giảm so với năm 2015. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn thể hiện Công ty đã cải thiện khả năng thanh toán tổng quát trong năm 2016 so với năm 2015.
- Về khả năng thanh toán: mặc dù Công ty đã cải thiện khả năng thanh toán tổng quát trong năm 2016 (1,80 lần) so với năm 2015 (1,74 lần), tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn trong năm 2016 đều nhỏ hơn 1 và đều giảm so với năm 2015. Do đó, Công ty sẽ không thuận lợi trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- Về hiệu quả sử dụng vốn: các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2016 đều giảm so với năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu và lợi nhuận thực hiện của năm 2016 đều giảm so với năm 2015.

3. Ý kiến của Ban kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016:

Sau khi xem xét, thẩm định, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam về số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập tại ngày 31/12/2016 và được Ban Tổng giám đốc phê duyệt ngày 27/03/2017.

V. Đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở phân tích và đánh giá nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận do yếu tố thời tiết và giá bán điện, Ban kiểm soát kiến nghị với Ban điều hành Công ty một số nội dung như sau:

- Thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý đảm bảo: tận dụng tối đa lượng nước về các hồ chứa, khai thác tối đa sản lượng điện giờ cao điểm và vào mùa khô để tranh thủ giá bán điện cao theo cơ chế giá chi phí tránh được đối với nhà máy Đa siat, thực hiện phương thức chào giá hợp lý để tranh thủ giá bán điện cao theo cơ chế giá thị trường đối với nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'Bri.
- Tiếp tục phát huy, thực hiện tốt kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo và duy trì vận hành ổn định của các nhà máy, giảm thiểu thời gian ngưng máy do sự cố.
- Tiếp tục rà soát, tổ chức thực hiện và duy trì việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan công tác vận hành các nhà máy thủy điện như: quy định về

môi trường, công tác vận hành hồ chứa, xả lũ, phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn đập, phòng chống lũ lụt hạ du đập...

VI. Nhận xét chung về hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017:

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Tuy có biến động nhân sự Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2012 – 2017 theo yêu cầu của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 để phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp 2014, nhưng Ban kiểm soát cũng đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ mà các cổ đông đã tín nhiệm giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn hiệu quả.
- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017, ngoài sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trong Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017, Tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị trong Công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

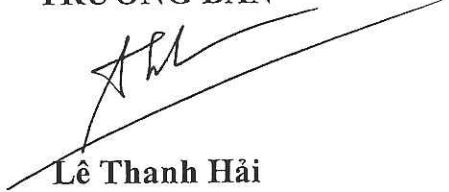
Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu BKS;

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN


Lê Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 5 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Chí Phước	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2016)

Ban kiểm soát

Ông Lê Thanh Hải	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016, miễn nhiệm Trưởng ban ngày 28 tháng 4 năm 2016)
Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)
Ông Thang Thanh Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)
Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Trụ sở chính

Phòng 106, Lầu 1, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5842
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2014-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		198.631.521.209	303.960.667.800
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.233.374.014	157.842.270.267
111	Tiền		45.733.374.014	155.342.270.267
112	Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	2.500.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.821.364.689	3.821.364.689
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	3.821.364.689	3.821.364.689
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		127.300.842.439	118.998.231.095
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	123.310.531.210	103.984.699.028
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.263.604.141	6.113.719.528
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	3.034.069.288	9.207.174.739
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(307.362.200)	(307.362.200)
140	Hàng tồn kho		13.642.245.596	3.352.347.389
141	Hàng tồn kho	9	13.642.245.596	3.352.347.389
150	Tài sản ngắn hạn khác		5.633.694.471	19.946.454.360
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		144.777.837	360.470.441
152	Thuế GTGT được khấu trừ	10(a)	5.488.916.634	19.585.983.919
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.447.067.329.039	2.609.021.439.202
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	444.394.875
216	Phải thu dài hạn khác		-	444.394.875
220	Tài sản cố định		2.445.710.116.696	2.606.385.617.790
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.442.696.039.431	2.603.645.754.149
222	Nguyên giá		3.128.256.888.370	3.109.388.520.926
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(685.560.848.939)	(505.742.766.777)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	3.014.077.265	2.739.863.641
228	Nguyên giá		3.039.263.637	2.749.863.637
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.186.372)	(9.999.996)
240	Tài sản dở dang dài hạn		17.966.668	635.599.623
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	17.966.668	635.599.623
260	Tài sản dài hạn khác		1.339.245.675	1.555.826.914
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.339.245.675	1.555.826.914
270	TỔNG TÀI SẢN		2.645.698.850.248	2.912.982.107.002

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.468.420.632.780	1.676.012.561.397
310	Nợ ngắn hạn		268.749.632.780	316.185.561.397
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	18.981.280.771	32.958.449.587
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10(b)	13.382.862.774	9.783.447.565
314	Phải trả người lao động	14	5.046.952.400	7.573.106.382
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	57.235.802.461	69.547.027.928
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	12.649.678.956	11.197.414.132
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	160.156.000.000	184.156.003.999
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.297.055.418	970.111.804
330	Nợ dài hạn		1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.177.278.217.468	1.236.969.545.605
410	Vốn chủ sở hữu		1.177.278.217.468	1.236.969.545.605
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19	937.102.000.000	937.102.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		937.102.000.000	937.102.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	240.176.217.468	299.867.545.605
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		142.119.781.955	135.306.454.357
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		98.056.435.513	164.561.091.248
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.645.698.850.248	2.912.982.107.002


Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập


Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng	512.966.684.108	594.685.477.949
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng	512.966.684.108	594.685.477.949
11	Giá vốn hàng bán	(274.264.830.344)	(257.513.888.782)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	238.701.853.764	337.171.589.167
21	Doanh thu hoạt động tài chính	899.609.281	886.055.791
22	Chi phí tài chính	(115.669.950.782)	(131.829.368.233)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(115.579.596.956)	(131.829.368.233)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.321.520.076)	(32.389.097.450)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.609.992.187	173.839.179.275
31	Thu nhập khác	541.931.926	3.068.610.126
32	Chi phí khác	(1.750.002)	(7.423.419.339)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	540.181.924	(4.354.809.213)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.093.738.598)	(4.923.278.814)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	98.056.435.513	164.561.091.248
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.005	1.673

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập

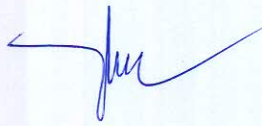
Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

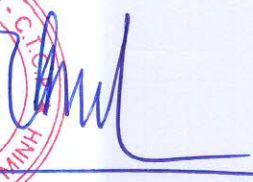


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062	
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	180.517.775.791	178.354.163.900	
03	Các khoản dự phòng	-	307.362.200	
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	56.096.064	-	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(899.609.281)	(886.055.791)	
06	Chi phí lãi vay	115.579.596.956	131.829.368.233	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	397.404.033.641	479.089.208.604	
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	5.650.151.180	(53.192.297.179)	
10	Tăng hàng tồn kho	(10.289.898.207)	(1.720.661.272)	
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(24.172.892.398)	(125.943.943.265)	
12	Giảm các chi phí trả trước	432.273.843	447.845.745	
14	Tiền lãi vay đã trả	(116.670.566.404)	(132.233.689.344)	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.364.186.133)	(5.606.963.463)	
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(7.484.500.036)	(8.437.475.870)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	241.504.415.486	152.402.023.956	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(20.043.364.732)	(6.429.499.091)	
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	198.363.636	72.909.091	
27	Thu lãi từ tiền gửi	899.609.281	886.055.791	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(18.945.391.815)	(5.470.534.209)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	-	219.211.100.330	
34	Chi trả nợ gốc vay	(184.156.003.999)	(177.554.637.134)	
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(148.011.907.200)	(138.177.425.400)	
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(332.167.911.199)	(96.520.962.204)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(109.608.887.528)	50.410.527.543	
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	157.842.270.267	107.431.742.724
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.725)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	48.233.374.014	157.842.270.267


Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập


Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh lần thứ 8 ngày 5 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty là một doanh nghiệp niêm yết có cổ phiếu giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở); đào tạo nghề; bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 122 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 117 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	7% - 20%
Phương tiện vận tải	13%
Thiết bị quản lý	20% - 33%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, phục vụ cho nhu cầu công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

2.17 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và vật tư xuất bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.22 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.25 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2016 VND	2015 VND
Tiền mặt	200.113.974	72.048.700
Tiền gửi ngân hàng	45.533.260.040	155.270.221.567
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
	<u>48.233.374.014</u>	<u>157.842.270.267</u>

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2016 VND	2015 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.821.364.689	3.821.364.689

Khoản mục này bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	123.310.531.210	103.984.699.028

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
ANDRITZ HYDRO GmbH	-	2.850.463.350
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	-	1.339.766.636
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Hà Thành	456.073.297	456.073.297
Ban Đèn Bù Giải Phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	326.637.900
Trung tâm thông tin-Đăng ký quyền sử dụng đất Lâm Đồng	140.000.000	140.000.000
Bên thứ ba khác	336.574.944	1.000.778.345
	<u>1.263.604.141</u>	<u>6.113.719.528</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là khoản ký quỹ ngân hàng để mở thư tín dụng.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Khoản mục này là dự phòng phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

9 HÀNG TỒN KHO

	2016 VND	2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	784.879.956	1.977.784.233
Công cụ, dụng cụ (*)	12.857.365.640	1.374.563.156
	<u>13.642.245.596</u>	<u>3.352.347.389</u>

(*) Công cụ, dụng cụ chủ yếu bao gồm thiết bị và phụ tùng của nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**(a) Thuế phải thu từ ngân sách Nhà nước**

	2016 VND	2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	<u>5.488.916.634</u>	<u>19.585.983.919</u>

(b) Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	2016 VND	2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.559.235.662	1.142.606.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.036.617.528	1.307.065.063
Thuế tài nguyên	3.306.104.298	865.819.116
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.986.212.420	5.983.309.600
Thuế thu nhập cá nhân	382.353.468	484.647.377
Khác	112.339.398	-
	<u>13.382.862.774</u>	<u>9.783.447.565</u>

(c) Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu và phải nộp ngân sách Nhà nước

Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu từ ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải thu VND	Số đã cân trừ VND	Số đã hoàn VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	<u>19.585.983.919</u>	<u>3.967.010.378</u>	<u>(7.779.644.765)</u>	<u>(10.284.432.898)</u>	<u>5.488.916.634</u>

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**(c) Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu và phải nộp ngân sách Nhà nước (tiếp theo)**

Tình hình biến động của các khoản thuế phải nộp cho ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cân trừ VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.142.606.409	52.486.479.490	(7.779.644.765)	(42.290.205.472)	3.559.235.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.307.065.063	4.093.738.598	-	(3.364.186.133)	2.036.617.528
Thuế tài nguyên (*)	865.819.116	43.330.097.370	(10.284.432.898)	(30.605.379.290)	3.306.104.298
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.983.309.600	11.156.569.660	-	(13.153.666.840)	3.986.212.420
Thuế thu nhập cá nhân	484.647.377	3.094.133.710	-	(3.196.427.619)	382.353.468
Khác	-	112.339.398	-	-	112.339.398
	<u>9.783.447.565</u>	<u>114.273.358.226</u>	<u>(18.064.077.663)</u>	<u>(92.609.865.354)</u>	<u>13.382.862.774</u>

(*) Theo Quyết định hoàn thuế số 5315/QĐ-CT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, thuế giá trị gia tăng hoàn lại cho dự án ĐamBri được cân trừ với thuế tài nguyên phải nộp với số tiền là 10.284.432.898 Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Mẫu số B 09 - DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.485.836.180.455	617.417.596.419	5.501.786.831	632.957.221	3.109.388.520.926
Mua trong năm	-	608.793.510	-	-	608.793.510
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	9.831.902.625	9.021.535.465	37.876.280	52.766.817	18.944.081.187
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(620.258.053)	(64.249.200)	(684.507.253)
Điều chỉnh lại nguyên giá theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 (*)	(10.531.858.796)	10.531.858.796	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.485.136.224.284	637.579.784.190	4.919.405.058	621.474.838	3.128.256.888.370
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	300.163.647.896	200.508.572.650	4.568.659.649	501.886.582	505.742.766.777
Khấu hao trong năm	115.942.258.506	64.135.213.843	378.471.317	46.645.749	180.502.589.415
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(620.258.053)	(64.249.200)	(684.507.253)
Điều chỉnh lại khấu hao theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 (*)	(201.488.269)	201.488.269	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	415.904.418.133	264.845.274.762	4.326.872.913	484.283.131	685.560.848.939
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.185.672.532.559	416.909.023.769	933.127.182	131.070.639	2.603.645.754.149
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.069.231.806.151	372.734.509.428	592.532.145	137.191.707	2.442.696.039.431

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

(*) Đây là điều chỉnh theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 ngày 17 tháng 8 năm 2016 đã được kiểm toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình ("TSCĐ") của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.431.497.651.187 Đồng (2015: 2.598.684.831.414 Đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 3.405.432.428 Đồng (2015: 1.694.093.431 Đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.719.863.637	30.000.000	2.749.863.637
Mua trong năm	-	289.400.000	289.400.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.719.863.637</u>	<u>319.400.000</u>	<u>3.039.263.637</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	9.999.996	9.999.996
Khấu hao trong năm	-	15.186.376	15.186.376
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>-</u>	<u>25.186.372</u>	<u>25.186.372</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>2.719.863.637</u>	<u>20.000.004</u>	<u>2.739.863.641</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u><u>2.719.863.637</u></u>	<u><u>294.213.628</u></u>	<u><u>3.014.077.265</u></u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2016 VND	2015 VND
Dự án nhà điều hành Bảo Lộc	-	461.125.623
Khác	17.966.668	174.474.000
	<u>17.966.668</u>	<u>635.599.623</u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	635.599.623	10.129.038.952
Tăng	19.535.507.222	4.163.845.371
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 11(a))	(18.944.081.187)	(10.973.823.746)
Khác	(1.209.058.990)	(2.683.460.954)
Số dư cuối năm	<u>17.966.668</u>	<u>635.599.623</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	12.934.212.620	18.606.018.250
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	-	3.241.620.292
Phải trả bên thứ ba khác	6.047.068.151	11.110.811.045
	<u>18.981.280.771</u>	<u>32.958.449.587</u>

Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Theo Ban Tổng Giám đốc, Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ khoản phải trả người bán ngắn hạn này.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Khoản phải trả người lao động chủ yếu là tiền lương bổ sung cho công nhân viên.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện ĐamBri	51.925.344.787	62.741.665.634
Chi phí lãi vay	5.205.950.001	6.296.919.449
Chi phí khác	104.507.673	508.442.845
	<u>57.235.802.461</u>	<u>69.547.027.928</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 21)	12.501.908.000	10.577.495.200
Phải trả nhân viên	139.771.956	100.736.940
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.999.000	519.181.992
	<u>12.649.678.956</u>	<u>11.197.414.132</u>

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay ngân hàng	<u>184.156.003.999</u>	<u>160.156.000.000</u>	<u>(184.156.003.999)</u>	<u>160.156.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2016 VND	2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(i) VND	7,5%	58.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	(ii) VND	6,9%	66.156.000.000	66.156.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	(iii) VND	8,7%	36.000.000.000	36.000.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	(iv) VND	8,7%	-	50.000.003.999
			<u>160.156.000.000</u>	<u>184.156.003.999</u>

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Tăng thêm VND	Chuyển sang vay ngắn hạn VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay ngân hàng	<u>1.359.827.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(160.156.000.000)</u>	<u>1.199.671.000.000</u>

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

		Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2016 VND	2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(i)	VND	7,5%	791.000.000.000	849.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	(ii)	VND	6,9%	286.671.000.000	352.827.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	(iii)	VND	8,7%	122.000.000.000	158.000.000.000
				<u>1.199.671.000.000</u>	<u>1.359.827.000.000</u>

(i) Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 2 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 11,1%/năm, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lãi trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung 03-0043/ĐTĐU/13CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7,5%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện ĐamBri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lãi trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng. Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02-0028/ĐTĐU/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng +1%/năm cho năm thứ 2, và +2,5%/năm cho năm thứ 3 trở đi. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7,5%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà Nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,9%/năm.

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0238/HĐTD-VIB601/15 ngày 15 tháng 6 năm 2015, hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng là 5 năm, áp dụng lãi suất là 8,7% trong 6 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên và lãi suất sẽ thay đổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên độ 2,2%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng toàn bộ tài sản tại Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, và dòng tiền thu từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Đasiat và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung sẽ phải chuyển qua Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

(iv) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 212/2013/HĐTD/CMB-HCM ngày 16 tháng 12 năm 2013, thời hạn hợp đồng 36 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%), khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp. Khoản vay này đã đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2016. Lãi suất trước khi đáo hạn là 8,7%/năm.

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	970.111.804	603.083.171
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 20)	7.811.443.650	8.804.504.503
Chi trả trong năm	(7.484.500.036)	(8.437.475.870)
Số dư cuối năm	<u>1.297.055.418</u>	<u>970.111.804</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2016 Cổ phiếu phổ thông	2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 ngày 5 tháng 8 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 Đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	31.12.2016		31.12.2015	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu- Nước Giải khát Sài Gòn	-	-	189.507.130.000	20,22
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	99.908.900.000	10,66	-	-
Các cổ đông khác	379.349.520.000	40,48	289.751.290.000	30,92
	<u>937.102.000.000</u>	<u>100</u>	<u>937.102.000.000</u>	<u>100</u>

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	937.102.000.000	284.676.258.860	1.221.778.258.860
Lợi nhuận trong năm	-	164.561.091.248	164.561.091.248
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	(8.804.504.503)	(8.804.504.503)
Chia cổ tức	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>937.102.000.000</u>	<u>299.867.545.605</u>	<u>1.236.969.545.605</u>
Lợi nhuận trong năm	-	98.056.435.513	98.056.435.513
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	(7.811.443.650)	(7.811.443.650)
Chia cổ tức (*)	-	(149.936.320.000)	(149.936.320.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>937.102.000.000</u>	<u>240.176.217.468</u>	<u>1.177.278.217.468</u>

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16% mệnh giá (tương đương với 149.936.320.000 Đồng). Công ty đã thông báo chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong tháng 7 năm 2016.

21 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	10.577.495.200	8.190.190.600
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	149.936.320.000	140.565.300.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(148.011.907.200)	(138.177.425.400)
Điều chỉnh khác	-	(570.000)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 16)	<u>12.501.908.000</u>	<u>10.577.495.200</u>

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2016	2015 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	98.056.435.513	164.561.091.248
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(3.922.257.421)	(7.811.443.650)
	<u>94.134.178.092</u>	<u>156.749.647.598</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.005</u>	<u>1.673</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2015 được trình bày lại theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2016 được tính dựa trên tỷ lệ chia lợi nhuận theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016 và lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 được trình bày lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	164.561.091.248	-	164.561.091.248
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.582.443.650)	(1.229.000.000)	(7.811.443.650)
	<u>157.978.647.598</u>	<u>(1.229.000.000)</u>	<u>156.749.647.598</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	93.710.200	-	93.710.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.686</u>	<u>(13)</u>	<u>1.673</u>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") của năm 2015 được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế của năm 2015 được xác định trong năm 2016 theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

23 DOANH THU BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán điện	<u>512.966.684.108</u>	<u>594.685.477.949</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn điện	<u>274.264.830.344</u>	<u>257.513.888.782</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	115.579.596.956	131.829.368.233
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	56.096.064	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	34.257.762	-
	<u>115.669.950.782</u>	<u>131.829.368.233</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	13.624.261.078	21.701.394.202
Chi phí thuê văn phòng	1.847.579.500	1.897.579.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.270.754	687.104.359
Chi phí bằng tiền khác	6.389.408.744	8.103.019.389
	<u>22.321.520.076</u>	<u>32.389.097.450</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

- Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên hai nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2013. Năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ dự án.
- Nhà máy thủy điện Đambri: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2017.

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành và được thể hiện như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062
Thuế tính ở thuế suất 10%:	10.215.017.411	16.948.437.006
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	136.725.585	52.067.960
Ưu đãi thuế của các Nhà máy thủy điện	(6.189.641.606)	(12.048.825.447)
Chênh lệch thuế suất giữa các Nhà máy thủy điện và trụ sở chính	(68.362.793)	(28.400.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.093.738.598	4.923.278.814

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.721.292.742	3.559.545.808
Chi phí nhân công	38.832.823.431	35.259.998.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.517.775.791	178.354.163.900
Chi phí thuế tài nguyên	43.330.097.370	38.134.885.440
Phí dịch vụ môi trường rừng	11.156.569.660	14.457.318.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.748.423.003	11.242.473.547
Chi phí khác bằng tiền	7.279.368.423	8.894.600.771
	296.586.350.420	289.902.986.232

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN**(a) Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty không lập báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất truyền tải và phân phối điện.

(b) Khu vực địa lý

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì hoạt động kinh doanh chỉ diễn ra tại Việt Nam, nơi có:

- Tính tương đồng của các điều kiện kinh tế và chính trị;
- Tính tương đồng của môi trường kinh doanh;
- Rủi ro liên quan tới hoạt động kinh doanh ở Việt Nam là tương đối đồng nhất; và
- Chịu sự chi phối của các quy định kiểm soát ngoại hối và các rủi ro tiền tệ chung của Việt Nam.

30 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Công ty có số dư 1.716.468.748 Đồng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bị giới hạn sử dụng để thanh toán khoản phải trả cho nhà cung cấp theo mục đích được nêu trong hợp đồng tín dụng.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu từ ngoại tệ vì số dư của tài sản và nợ tài chính bằng ngoại tệ không đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu lãi suất VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 11.996.710.000 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	18.981.280.771	-	-	-
Các khoản vay	160.156.000.000	182.156.000.000	636.468.000.000	381.047.000.000
Các khoản phải trả khác	69.885.481.417	-	-	-
	<u>249.022.762.188</u>	<u>182.156.000.000</u>	<u>636.468.000.000</u>	<u>381.047.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán	32.958.449.587	-	-	-
Các khoản vay	184.156.003.999	163.669.000.000	630.468.000.000	565.690.000.000
Các khoản phải trả khác	80.744.442.060	-	-	-
	<u>297.858.895.646</u>	<u>163.669.000.000</u>	<u>630.468.000.000</u>	<u>565.690.000.000</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là cổ đông lớn nhất của Công ty do sở hữu 48,86% vốn cổ phần của Công ty và là công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán điện

	2016 VND	2015 VND
Công ty Mua Bán Điện	444.772.105.854	523.455.412.812
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	68.194.578.254	71.230.065.137
	<u>512.966.684.108</u>	<u>594.685.477.949</u>

Hai công ty trên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

	2016 VND	2015 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>5.473.685.662</u>	<u>4.421.666.307</u>

Khoản chi này bao gồm lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (trong đó có khoản thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng 5% mức lợi nhuận vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN- ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016).

iii) Hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức đã trả cho:		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước		
Giải khát Sài Gòn (*)	30.321.140.800	28.426.069.500
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	73.254.972.800	68.676.537.000
	<u>103.576.113.600</u>	<u>97.102.606.500</u>

(*) Cổ tức được Công ty chi trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Sabeco") trong tháng 7 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Sabeco không còn là bên liên quan của Công ty do đã thoái toàn bộ vốn cổ phần sở hữu trong Công ty từ ngày 22 tháng 9 năm 2016.

iv) Hoạt động khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi chậm thanh toán	<u>-</u>	<u>7.420.728.039</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2016 VND	2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua Bán Điện	114.552.857.336	88.323.924.357
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.757.673.874	15.660.774.671
	<u>123.310.531.210</u>	<u>103.984.699.028</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2016 VND	2015 VND
Dưới 1 năm	67.893.661	148.131.625
Từ 1 đến 5 năm	-	68.305.138
Trên 5 năm	8.061.426.723	8.061.426.723
	<u>8.129.320.384</u>	<u>8.277.863.486</u>

Đây là khoản cam kết cho hợp đồng thuê văn phòng số 05/CT-SHP-AH/DD2 ngày 23 tháng 5 năm 2015 và hợp đồng thuê đất tại nhà máy thủy điện Đasiat số 137/ HĐ-TĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2017.



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc



Số: **1.8**.../BC-CPTĐMN-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

**Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2016
và trình kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2017**

Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam báo cáo kết quả thực hiện việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2016 và trình kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2017 như sau:

1. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2016:

Căn cứ nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2016 như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Lương tháng bao gồm thuế TNCN(đồng)	Thù lao tháng sau thuế TNCN (đồng)	Thời gian hưởng
Hội đồng quản trị				
Hồ Quang Ái	Chủ tịch	-	10.000.000	01/2016 – 12/2016
Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	-	6.000.000	01/2016 – 12/2016
Trịnh Phi Anh	Thành viên	-	6.000.000	01/2016 – 12/2016
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	-	6.000.000	01/2016 – 12/2016
Lê Chí Phước	Thành viên	-	6.000.000	01/2016 – 12/2016
Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên	-	6.000.000	01/2016 – 12/2016
Tổng cộng thù lao chi trả cho HĐQT trong năm 2016: 480.000.000 đồng				
Ban kiểm soát				
Lê Thanh Hải	Trưởng Ban	33.940.000	-	05/2016 – 12/2016
Hoàng Minh Dũng	Trưởng Ban	-	6.000.000	01/2016 – 04/2016
Hoàng Minh Dũng	Thành viên	-	3.000.000	05/2016 – 12/2016
Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên	-	3.000.000	05/2016 – 12/2016
Thang Thanh Hà	Thành viên	-	3.000.000	01/2016 – 04/2016
Tô Công Thanh Lộc	Thành viên	-	3.000.000	01/2016 – 04/2016
Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2016: 367.520.000 đồng				

❖ Ghi chú:

- Ông Lê Thanh Hải và Bà Đỗ Thị Hải Âu được ĐHĐCĐ thường niên Công ty ngày 28/04/2016 bầu thay thế ông Thang Thanh Hà và ông Tô Công Thanh Lộc.

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty trong năm 2017:

Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty trong năm 2017 với mức như sau (sau thuế thu nhập cá nhân):

- | | |
|--------------------------------|----------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 15.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Hội đồng quản trị | 9.000.000 đồng/người/tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát | 9.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| - Thư ký Công ty | 5.000.000 đồng/người/tháng |

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Hồ Quang Ái

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

I. Căn cứ:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam được sửa đổi thông qua ngày 10/05/2016;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 tại báo cáo tài chính được kiểm toán ngày 27 tháng 03 năm 2017.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh	
	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016
Tổng doanh thu:	514.408	582.250
- Doanh thu từ hoạt động SXKD:	512.967	581.900
- Doanh thu tài chính:	899	350
- Thu nhập khác:	542	
Tổng chi phí:	412.258	416.692
- Chi phí khấu hao:	180.518	178.781
- Chi phí lãi vay:	115.580	121.113
- Thuế tài nguyên:	43.330	39.058
- Phí dịch vụ môi trường rừng:	11.156	12.040
- Chi phí chung	61.674	65.700
Lợi nhuận trước thuế:	102.150	165.558
- Thuế TNDN phải nộp	4.094	5.098
Lợi nhuận sau thuế năm 2016	98.056	160.460

III. Nội dung kính trình:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2016

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 kính trình Đại Hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế năm 2016	98.056.453.513	
LNST chưa phân phối các năm trước	142.119.781.955	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2016	240.176.217.468	
Quỹ đầu tư phát triển (trích 10% theo điều lệ công ty)	9.805.643.551	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế năm 2016)	4.902.821.776	Theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 là 4% (tương đương 6.418.420.270 đồng)
Chia cổ tức lợi nhuận năm 2016 (15% trên mệnh giá)	140.565.300.000	Theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 là 16%
Lợi nhuận sau khi phân phối năm 2016	84.902.452.141	

Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối năm 2016, Hội đồng quản trị kiến nghị Đại Hội đồng cổ đông giữ lại để bù đắp một phần nguồn vốn tự có do tăng tổng mức đầu tư và để trả nợ vay ngân hàng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Dựa trên kế hoạch doanh thu, chi phí năm 2017; Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam kiến nghị Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Tổng doanh thu	573,0
- Doanh thu từ hoạt động SXKD	572,5
- Doanh thu hoạt động tài chính	0,5
Tổng chi phí:	418,0
- Chi phí khấu hao	183,0
- Chi phí lãi vay	98,3
- Thuế tài nguyên	48,3
- Phí dịch vụ môi trường rừng	11,9
- Chi phí chung	76,5
Lợi nhuận trước thuế năm 2017	155,0
Thuế TNDN năm 2017	5,0
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	150,0
LNST chưa phân phối các năm trước	84,9
Tổng LNST lũy kế đến 31/12/2017	234,9
Quỹ đầu tư phát triển (10%)	15,0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	7,5
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2017 (16%)	149,9
Lợi nhuận sau khi phân phối năm 2017	62,5

* Thường Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Hội đồng quản trị Công ty CP thủy điện Miền Nam kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- P.TCKT, lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
MIỀN NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
HỒ QUANG ÁI

TỜ TRÌNH

Về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét
Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

I. Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, các chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam đã được sửa đổi, bổ sung theo nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các tổ chức niêm yết.

II. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước công bố, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán để phát hành thư mời chào giá cạnh tranh thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 như sau:

1. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
3. Công ty TNHH BDO Việt Nam
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán được ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 đơn vị kiểm toán để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ Phần Thủy điện Miền Nam.

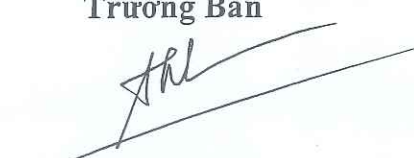
Kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, Ban TGD Cty;
- Lưu VT, P.TCKT.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban


Lê Thanh Hải

